

Báo Cáo Thường Niên
2009



Annual Report 2009

MỤC LỤC

Tổng quan Transimex - Saigon

- 04. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 06. Thông tin chung
- 08. Lịch sử hoạt động

Ban lãnh đạo Transimex - Saigon

- 12. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- 20. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 21. Tình hình thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2009
- 23. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009
- 24. Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ năm 2010
- 26. Báo cáo của Ban Kiểm Soát
- 30. Tổ chức và nhân sự Transimex - Saigon

Cổ đông và các công ty thành viên & liên doanh

- 32. Thông tin về cổ đông
- 33. Công tác Sales và Marketing
- 34. Hoạt động của các công ty con & công ty liên doanh
- 36. Chiến lược phát triển của Transimex - Saigon giai đoạn 2010-2015

Báo cáo tài chính năm 2009

- 40. Báo cáo kiểm toán
- 42. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2009
- 45. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
- 48. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
- 50. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
- 54. Phụ lục



CONTENTS

Introduction Transimex - Saigon

- 62. Messages from the Chairmain of the Board of Management
- 64. General information
- 66. History of operations of the company

Shareholders and the subsidiaries & the joint venture companies

- 84. Shareholder information
- 85. Activities of sales and marketing of the company
- 86. Activities of the subsidiaries & the joint venture companies
- 88. Development strategy of transimex-saigon in the period of 2010 - 2015

Boards of Management of Transimex - Saigon

- 70. Report of the board of management
- 72. Reports by the executive of the board
- 73. The situation on imlementation of the plan targets of 2009
- 75. Evaluation of the situation on implementing 2009 plan
- 76. Directions and duties of services business in 2010
- 78. Report of supervisor section
- 82. Organization and personnel

Financial report's 2009

- 92. Auditor's report
- 93. Consolidated balance sheet ended 31/122009
- 96. Consolidated income statement year ended 31/122009
- 97. Consolidated cash flow statement ended 31/122009
- 99. Notes to the consolidated financial statements 2009
- 113. Appendix



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý khách hàng, đối tác và Quý vị cổ đông!

Thay mặt Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Transimex - Saigon), tôi xin gửi đến tất cả quý vị lời chào trân trọng nhất.

Kính thưa Quý vị!



Trải qua hơn 27 năm xây dựng và phát triển, đến nay, Transimex - Saigon đã trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics. Đạt được thành quả này là nhờ vào sự nỗ lực đóng góp của tập thể lãnh đạo từ HĐQT, Ban điều hành cùng tất cả CB-CNV Công ty, những người đã ngày đêm không quản ngại khó khăn, vất vả, luôn cống hiến hết năng lực của mình cho sự phát triển của Công ty.

Hiện nay, Logistics đã và đang trở thành một ngành công nghiệp dịch vụ quan trọng tại Việt Nam, đóng góp một phần không nhỏ vào GDP của cả nước. Theo ước tính cả nước ta hiện có khoảng 600 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Logistics, tuy nhiên, chưa có doanh nghiệp nào tại Việt nam có đủ năng lực cung cấp chuỗi dịch vụ Logistics đúng nghĩa, các doanh nghiệp của Việt Nam hiện chỉ đóng vai trò là các vệ tinh cung cấp một phần của chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics như vận tải, cho thuê kho bãi, khai thuế hải quan... chứ không phải là nhà cung cấp cả chuỗi dịch vụ Logistics. Mặt khác, thị phần cung cấp dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp Logistics Việt Nam hiện vẫn còn rất manh mún và khiêm tốn.

Nhận thức được vấn đề trên, Transimex - Saigon luôn xác định hoạt động kinh doanh Logistics là hoạt động trọng tâm, theo đó Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển các mảng quan trọng của dịch vụ Logistics như vận tải, kho bãi, dịch vụ Cảng ICD, khai thuế hải quan; vận chuyển, lắp đặt hàng siêu trường, siêu trọng,...

Về vận tải

Transimex - Saigon đã đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-Trans) do Công ty sở hữu 100% vốn, chuyên kinh doanh vận tải container và hàng hóa đa phương thức. Với chiến lược phát triển của Công ty, cùng với đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, năng động, nhiệt tình và trình độ chuyên môn cao, nhất định TMS-Trans sẽ phát triển thành một trong những Công ty vận tải mạnh nhất nước.

Về kho bãi, Cảng ICD

Transimex - Saigon đã đầu tư hơn 160 tỷ đồng để quy hoạch cải tạo, nâng cấp ICD Transimex thành một Trung tâm kho cảng hiện đại với hệ thống kho, bãi đạt tiêu chuẩn Quốc tế, hệ thống quản lý bằng Công nghệ thông tin tiên tiến, khai thác tối đa diện tích hiện hữu, nâng cao năng lực thông quan, tạo giá trị gia tăng cho lĩnh vực này. Bên cạnh đó, Công ty đã hợp tác, đầu tư bãi Container rộng có diện tích hơn 3 ha, và trong tương lai không xa, sẽ tiếp tục mở rộng diện tích, xây dựng thêm kho ngoại quan, khu bảo thuế và khu trung tâm Logistics tại một trong những khu công nghệ cao lớn nhất cả nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Về dịch vụ vận chuyển, lắp đặt hàng siêu trường, siêu trọng

Công ty đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực này nhờ vào tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm của đội ngũ CB-CNV lành nghề. Trong năm 2010, Công ty sẽ tham gia vận chuyển, lắp đặt cho rất nhiều dự án lớn trên cả nước.

Cũng nằm trong lộ trình hoàn thiện chuỗi dịch vụ Logistics, Công ty đang tập trung đầu tư và hợp tác đầu tư với những Công ty khác cùng ngành nghề nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đa dạng hóa dịch vụ. Công ty cũng tăng vốn để mở rộng các dịch vụ kinh doanh trong Công ty liên doanh Nippon Express Vietnam, đầu tư xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ logistics tại các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, các cửa khẩu, các cảng trên cả nước để từng bước lấp kín chuỗi cung ứng hoàn hảo.

Bên cạnh việc đầu tư hoàn thiện dịch vụ của Công ty Transimex - Saigon cũng luôn chú trọng đến việc phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, tạo giá trị gia tăng, áp dụng triệt để hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản lý các nguồn lực của Công ty.

Ngoài ra, Transimex - Saigon cũng đang từng bước mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh khác như thành lập Công ty Bất động sản TMS Property, chuyên kinh doanh dịch vụ cho thuê cao ốc văn phòng và các dịch vụ liên quan, kinh doanh bất động sản, ... tiến đến mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành, đa nghề.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như của Việt Nam đang cố gắng vượt qua cuộc khủng hoảng sâu sắc, để đạt được những mục tiêu đã đề ra, Hội đồng quản trị xác định chiến lược phát triển như sau:

- Duy trì tốc độ phát triển nhanh, mạnh, bền vững theo các mục tiêu đã đề ra.
- Phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những chiến lược đúng đắn của Công ty, cùng với sự hợp tác của các đối tác, khách hàng, sự đóng góp không mệt mỏi của CB-CNV, sự linh hoạt, quyết đoán trong điều hành của Ban lãnh đạo, sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị cùng sự tham gia tích cực của các Quý vị cổ đông, thương hiệu Transimex - Saigon sẽ ngày càng phát triển, đạt được mục tiêu luôn đứng vững ở vị trí là một trong những công ty Logistics hàng đầu của Việt nam, gia tăng lợi ích lâu dài cho cổ đông và CB-CNV Công ty.

Cuối cùng, thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và CB-CNV Transimex – Saigon, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của quý vị cổ đông đối với Hội đồng quản trị; cảm ơn Quý khách hàng, đối tác đã đặt niềm tin và hợp tác với Transimex - Saigon; cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua. Đồng thời, cho phép tôi thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, xin chân thành cảm ơn toàn thể CB-CNV đã cống hiến hết sức mình vào sự phát triển của Công ty. Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng,
TM. Hội đồng quản trị



Ông Bùi Tuấn Ngọc - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

THÔNG TIN CHUNG



Tên tiếng Việt : Công Ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM
Tên tiếng Anh : Transforwarding Warehousing Corporation - Ho Chi Minh City
Tên giao dịch : Transimex – Saigon
Mã chứng khoán : TMS
Địa chỉ trụ sở chính : Lầu 9-10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : + 84-8-2220 2888 (16 lines)
Fax : + 84-8-2220 2889
Email : info@transimexsaigon.com
Website : www.transimexsaigon.com

Vốn điều lệ : 101.026.260.000 đồng
(Một trăm lẻ một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)
Số lượng CP đã phát hành : 10.102.626 CP
Ngân hàng mở tài khoản : Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Số hiệu tài khoản : VNĐ 007.100.0006146 – USD 007.137.0082671.
Giấy đăng ký kinh doanh số : 056651 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/1999.
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ giao nhận vận chuyển, kho bãi, cảng trung chuyển, kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng.
Trung tâm kho bãi cảng của Transimex-Saigon với tổng diện tích gần 100.000 m² đặt tại Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Liên Doanh : Công Ty TNHH Nippon Express

Các Công ty con : Công Ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận Ngoại Thương,
Công Ty Cp Transimex Saigon - Hữu Nghị,
Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương Tp. Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh của Công ty đặt tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.
Văn phòng đại diện của Công ty đặt tại các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, KCX Tân Thuận, KCN.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH VẬN ĐẠO NHẬP NGOẠI THƯƠNG (TRANSMIX - SÀI GÒN)
TMS | BUILDING
ĐỊA CHỈ: 172 HAI BÀ TRƯNG - Q.1 - TP.HCM

OFFICE
090

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG



Quá trình hình thành

Tiền thân của Công ty Transimex - Saigon là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1983. Từ ngày 01/01/2000, Công ty chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ Tướng Chính Phủ, với tổng vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng.

Cổ phần của Công ty được cấp phép niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 20/07/2000.

Ngày 04 tháng 08 năm 2000, Cổ phiếu của Transimex-Saigon chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán TMS, tổng số cổ phiếu niêm yết là 2.200.000 cổ phiếu, giá chào sàn: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh

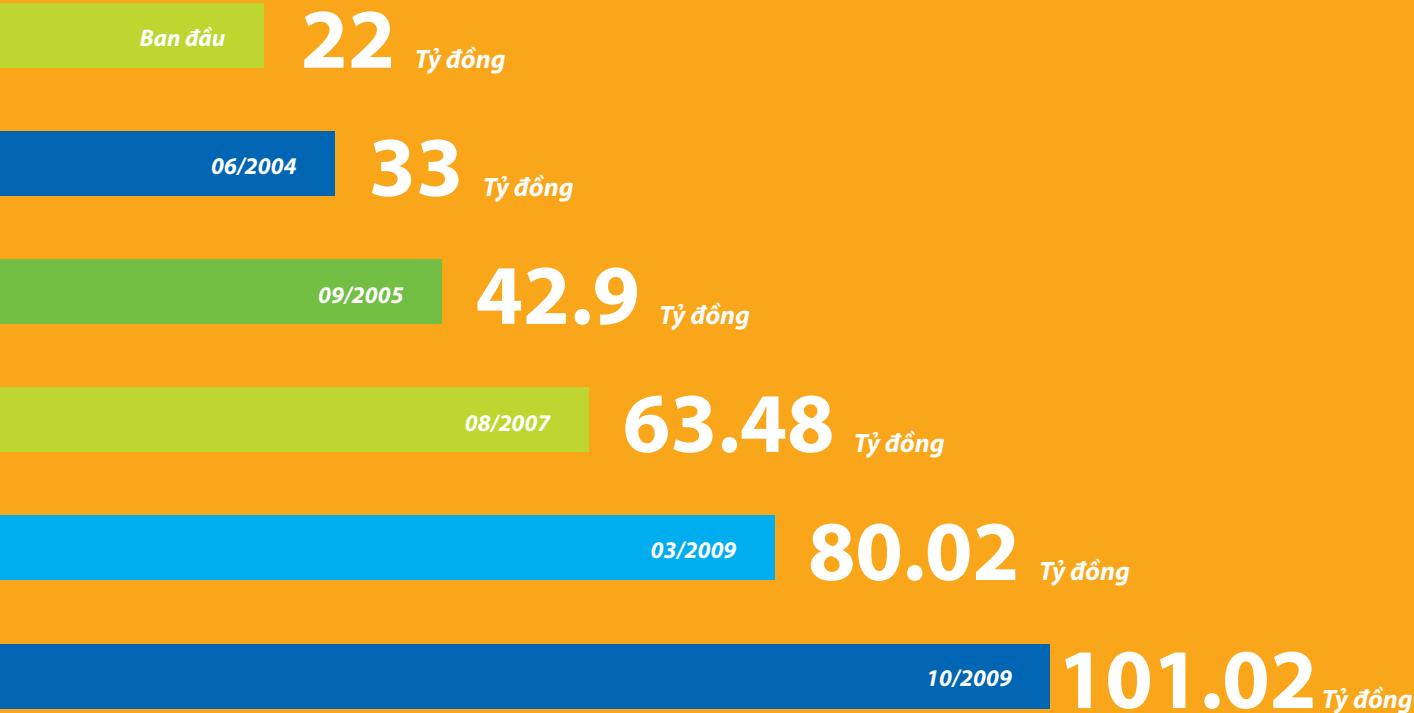
Từ năm 1983 đến nay, qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, hiện nay, Công ty Transimex – Saigon vẫn luôn duy trì hoạt động các ngành chính hiện có và mở rộng phát triển thêm các ngành có thể mạnh khác, cụ thể như sau:

- Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS. Kinh doanh kho bãi cảng. Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; làm thủ tục Hải Quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước.
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh. Dịch vụ đóng gói...
- Dịch vụ cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển các dự án bất động sản.
- Dịch vụ vận tải đường bộ.
- Đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.
- Đầu tư kinh doanh tài chính – chứng khoán.
- Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa và quốc tế.

Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ hiện tại 101.026.260.000 VNĐ và quá trình tăng vốn như sau:

STT	Tháng/ Năm	Tăng vốn điều lệ
Lần 1	06/2004	33.000.000.000 VNĐ
Lần 2	09/2005	42.900.000.000 VNĐ
Lần 3	08/2007	63.480.000.000 VNĐ
Lần 4	03/2009	80.026.260.000 VNĐ
Lần 5	10/2009	101.026.260.000 VNĐ





Một số bằng và chứng chỉ đạt được

Tháng/ Năm	Bằng/ chứng chỉ	Đơn vị cấp
1989	Hội viên của các Hiệp hội FIATA, VIFFAS, VCCI	
02/10/2000	Chứng nhận ISO 9002, ISO 9001	Tập đoàn SGS
2000	Hiệp hội IATA	

Những sự kiện nổi bật trong năm 2009

- Thành lập Công ty CP Transimex – Hữu Nghị tại Bắc Giang, chuyên kinh doanh về kho bãi.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM (TMS-TRANS), chuyên vận tải container bằng đường bộ.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động Sản Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM (TMS|BUILDING), hoạt động từ tháng 4 năm 2009 và khai thác cho thuê văn phòng tại cao ốc TMS|BUILDING được 4.550 m2 (100% diện tích cho thuê được lấp đầy trong quý IV/2009).
- Khởi động dự án triển khai hệ thống quản trị nguồn lực Doanh nghiệp “ERP”.
- Khởi công dự án “ Quy hoạch cải tạo – nâng cấp Trung Tâm Kho Cảng ICD Transimex”.
- Chủ trương sáp nhập Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn (SHC) vào Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM (TMS).
- Ký kết hợp đồng Hợp tác kinh doanh Depot, khai thác bãi chứa container gần 30.000 m².
- Đóng mới 2 Tàu chở container, trọng tải 2.400 tấn/chiếc (sức chở tối đa 128 teus) và đã đưa vào vận hành ngày 10/01/2010.

» Sứ mệnh

- Luôn cùng khách hàng nâng cao chất lượng dịch vụ. Hợp lực với các đối tác khai thác tối đa các nguồn lực, tạo ra nhiều dịch vụ ngày càng cao, đặc trưng và khác biệt của riêng Công ty. Mức độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh của Công ty luôn ổn định, tăng từ 15% - 20% mỗi năm, tăng thị phần, tăng khách hàng, nâng cao thu nhập người lao động.

» Tầm nhìn

- Là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu trong và ngoài nước. Trở thành tập đoàn kinh tế vững mạnh. Quốc tế hóa về vốn, đối tác và địa bàn đầu tư, thu nhập cao cho người lao động.

» Mục tiêu ngắn hạn

- Đẩy nhanh tiến độ dự án “Qui hoạch Trung Tâm Kho Cảng” hoàn thành trước kế hoạch để đáp ứng đủ nhu cầu về kho, bãi ngày càng cao của khách hàng.
- Nâng cấp 180m cầu cảng hiện hữu thành 2.400 DWT và xây dựng mới 80m cầu cảng 2.400 DWT để đáp ứng tải trọng của tàu chở container 2.400 Tấn cập cảng ICD .
- Xây dựng thương hiệu Transimex - Saigon ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trong và ngoài nước. Phấn đấu tăng tốc phát triển về quy mô hoạt động cũng như vốn điều lệ, bảo đảm năng lực cạnh tranh theo lộ trình hội nhập kinh tế Quốc tế của Việt Nam.
- Không ngừng nghiên cứu phát triển các dịch vụ hiện có và mới để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định và lâu dài.

» Mục tiêu dài hạn

- Tiếp tục đầu tư dài hạn vào lĩnh vực hoạt động Logistics của Công ty và mở rộng thêm các dịch vụ cao cấp khác với những bước đi vững chắc, linh hoạt, kết hợp chuyên sâu và đa dạng hóa, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về doanh thu, lợi nhuận trong điều kiện khó khăn của thị trường hiện nay.
- Áp dụng mô hình quản lý và kiểm soát hiện đại trong công tác Marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, đồng thời tuyển thêm nhân lực bên ngoài nhằm duy trì các chỉ số phát triển của Công ty.
- Nâng cao quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty cùng tốc độ phát triển của trong và ngoài nước hiện nay để xứng tầm là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa Xuất Nhập Khẩu của Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT Transimex-Saigon nhiệm kỳ 2008-2013 gồm 7 thành viên

1.	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT
4.	Ông Vũ Chính	Thành viên HĐQT
5.	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
6.	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT
7.	Ông Huỳnh Minh Thảo	Thành viên HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ngày 29/03/2008 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2008-2013 gồm có 7 thành viên. Hội đồng Quản trị đã thống nhất phân chia các tiểu ban như sau:

- Tiểu ban: QUẢN TRỊ KINH DOANH, TÀI CHÍNH, NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG
- Tiểu ban: KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CƠ BẢN
- Tiểu ban: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
- Tiểu ban: LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo các quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Các Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị trong năm 2009

Kể từ sau Đại hội cổ đông thường niên 2008-2009 đến nay, Hội đồng quản trị đã có 6 phiên họp và 3 đợt lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề chính sau :

- Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2009.
- Ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty tại D13 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà nội.
- Vấn đề triển khai thực hiện phương án phát hành 10% cổ phiếu trả cổ tức năm 2009.
- Triển khai thực hiện phương án phát hành, lựa chọn đơn vị tư vấn và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu huy động vốn cho Dự án Quy hoạch Trung tâm Kho cảng ICD Transimex.
- Các bước triển khai, tiến độ thực hiện dự án Quy hoạch Trung tâm Kho cảng ICD Transimex và tổ chức đấu thầu chọn nhà thầu xây dựng, mua cầu RTG cho dự án.
- Vấn đề vay vốn cho dự án Quy hoạch TTKC ICD Transimex.
- Chủ trương đầu tư sà lan để hợp tác kinh doanh với Công ty CP Hàng Hải Sài Gòn.

- Dự án đầu tư và phương án vay vốn để đầu tư phương tiện vận tải cho Công ty con TMS-Trans.
- Vấn đề chuyển địa chỉ văn phòng Chi nhánh Transimex - Saigon tại Hà nội.
- Vấn đề gia tăng ngân sách đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty.
- Chủ trương đầu tư dự án Đại lý độc quyền cho một trong những nhà sản xuất xe tải nổi tiếng của Mỹ.
- Chủ trương đầu tư xây dựng thêm cầu cảng 2.400 DWT tại ICD Transimex.
- Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát.
- Vấn đề tăng lương cho vị trí Q. Tổng Giám đốc điều hành.
- Chương trình và nội dung các Tờ trình Đại hội cổ đông thường niên 2009-2010.
- Và thông qua một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2008-2009

Năm 2009, HĐQT đã triển khai thực hiện đầy đủ và thành công nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2008-2009, không có vấn đề nào còn tồn đọng.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.
- Các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2009.
- Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.



Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2010

- Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh:
- Tổng doanh thu:
 - + Năm tài chính (từ 01/01/2010-31/03/2010): 48 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện Q1 năm 2009.
 - + Năm tài chính (từ 01/04/2010-31/03/2011): 243 tỷ đồng, tăng 50% so với thực hiện Q1 năm 2009.
- Lợi nhuận trước thuế:
 - + Năm tài chính (từ 01/01/2010-31/03/2010): 7 tỷ đồng, tăng 70% so với thực hiện Q1 năm 2009.
 - + Năm tài chính (từ 01/04/2010-31/03/2011): 70 tỷ đồng, tăng 59% so với thực hiện năm 2009.
- Phối hợp với các công ty cổ phần, liên doanh liên kết để phát huy sức mạnh, phát huy ngành nghề của công ty, như các công ty cổ phần Transimex Sài Gòn – Hữu nghị, công ty CP Hàng hải Sài Gòn, công ty Nippon Express Việt nam và một số Công ty khác đang trong giai đoạn triển khai.
- Triển khai từng bước các dự án đầu tư trong kế hoạch phát triển 5 năm của công ty. Trong đó, ưu tiên các dự án đem lại hiệu quả kinh tế cao ngay trong thời gian tới.
- Tập trung khai thác có hiệu quả TTKC ICD Transimex sau khi hoàn thiện việc quy hoạch và Transimex Depot.
- Tập trung phát triển công ty chuyên doanh trực thuộc công ty như công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương, Công ty Bất động sản TMS Property, Công ty Transimex Sài Gòn – Hữu Nghị.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008-2009, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tăng cường thực hiện Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán để hoàn thiện hơn công tác quản trị Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án đầu tư mới.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trân trọng,



Ông Bùi Tuấn Ngọc - Chủ tịch HĐQT





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / MEMBER OF BOM

- | | |
|---|---|
| 1. Ông / Mr. Bùi Tuấn Ngọc
<i>Chủ tịch HĐQT - Chairmain</i> | 4. Ông / Mr. Nguyễn Việt Cường
<i>Thành viên HĐQT - Member</i> |
| 2. Ông / Mr. Nguyễn Hồng Quang
<i>Phó chủ tịch HĐQT - Vice Chairmain</i> | 5. Ông / Mr. Lê Duy Hiệp
<i>Thành viên HĐQT - Member</i> |
| 3. Ông / Mr. Huỳnh Minh Thảo
<i>Thành viên HĐQT - Member</i> | 6. Ông / Mr. Vũ Chính
<i>Thành viên HĐQT - Member</i> |
| | 7. Ông / Mr. Lê Hùng
<i>Thành viên HĐQT - Member</i> |



BAN ĐIỀU HÀNH / GENERAL DIRECTOR BOARD



1. Ông / Mr. Lê Duy Hiệp
Tổng Giám Đốc - General Director

2. Ông / Mr. Nguyễn Trí Hùng
Phó Tổng Giám Đốc - Vice General Director

3. Ông / Mr. Nguyễn Chí Đức
Phó Tổng Giám Đốc - Vice General Director

4. Ông / Mr. Hoàng Công Phước
Kế Toán Trưởng - Chief Accountant



BAN KIỂM SOÁT / BOARD OF SUPERVISORS



1. Ông / Mr. Nguyễn Công Hiếu
Trưởng ban Kiểm Soát - Chief Supervisor
2. Bà / Ms. Nguyễn Thị Đảm
Thành viên ban Kiểm Soát - Member
3. Ông / Mr. Hoàng Phong Giao
Thành viên ban Kiểm Soát - Member

T

Tăng trưởng không ngừng, phát triển bền vững

M

Mỗi năm một phát triển, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, hướng tới một tập đoàn đa ngành

S

Sử dụng vốn hiệu quả, phát triển kinh doanh dịch vụ và quản trị doanh nghiệp





0.0 %

120.0 %

90.00 %



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



"Công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2009."

Năm 2009 được xem là năm của nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới mà Việt Nam chúng ta cũng không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, được sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, sự điều hành linh hoạt, sâu sát của Ban Tổng Giám đốc, toàn thể CB - CNV Công ty Transimex - Saigon đã đồng tâm hiệp lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Cụ thể, Công ty đã hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2009.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện các dự án đầu tư như sau:

- Khánh thành và đưa vào hoạt động toà nhà cao ốc văn phòng TMS|BUILDING - 172 Hai Bà Trưng, hiện nay tuy thị trường văn phòng cho thuê vẫn đang khó khăn nhưng Công ty đã cho thuê hết diện tích văn phòng.
- Hoàn thành đúng tiến độ dự án qui hoạch cải tạo nâng cấp Trung Tâm Kho Cảng (ICD Transimex). Vừa qua, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Khu văn phòng làm việc tại Trung Tâm Kho Cảng ICD Transimex, các hạng mục Kho lạnh, Kho CFS, cải tạo nâng cấp bãi Container và lắp đặt cầu khung RTG đang được khẩn trương thực hiện. Dự kiến các công trình này sẽ được đưa vào khai thác vào Quý III năm 2010, chắc chắn sẽ nâng cao hơn nữa ưu thế cạnh tranh của Cảng ICD Transimex trong khu vực và sẽ góp phần tăng đáng kể doanh thu của Công ty.
- Triển khai dự án ERP, áp dụng quản lý bằng công nghệ phần mềm tiên tiến nhất hiện nay, dự án đã chuẩn bị đi vào giai đoạn ứng dụng tại các đơn vị và các công đoạn nghiệp vụ của Công ty. Công ty đang chuẩn bị tiến hành triển khai giai đoạn II của việc ứng dụng phần mềm quản lý chuyên dụng trong nghiệp vụ khai thác Cảng ICD và kho. Việc đầu tư áp dụng phần mềm quản lý này chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả đáng kể trong quản lý chi phí, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng lớn của Công ty.

- Khai trương và đưa vào hoạt động đội tàu – sà lan chở Container gồm 2 chiếc, trọng tải 2.400 tấn, sức chở tối đa 128 Teu mỗi chiếc. Hiện Công ty đang phối hợp với Công ty CP Hàng Hải Saigon khai thác dịch vụ vận chuyển Container bằng đường thủy đi các Cảng TP. HCM, ICD & hệ thống Cảng nước sâu Cái Mép.
- Đầu tư cho Công ty vận tải TMS-TRANS hơn 85 chiếc xe đầu kéo và hơn 200 chiếc rơ móc hiện đại, bước đầu đã chiếm được một thị phần nhất định trong lĩnh vực vận tải Container bằng đường bộ tại khu vực TP. HCM và các tỉnh lân cận.

Các phòng, ban trong Công ty, Cảng ICD Transimex; Cty Vận tải TMS-TRANS, các Chi nhánh cũng đã cố gắng khai thác, phát triển dịch vụ và giữ vững các khách hàng truyền thống. Tích cực tìm kiếm khách hàng mới, dịch vụ mới đã góp phần không nhỏ vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Với việc đầu tư đúng hướng nêu trên cùng với sự nỗ lực của toàn thể CB-CNV, Công ty Transimex-Saigon sẽ phát huy được thế mạnh, tăng trưởng bền vững và mạnh mẽ. Công ty đã dẫn chứng tỏ vị thế của mình trên thị trường là một trong những Công ty Logistics hàng đầu của Việt Nam.

Trân trọng,



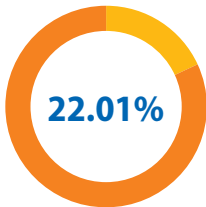
Ông Lê Duy Hiệp - Tổng Giám Đốc

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2009

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

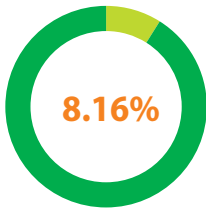
Diễn giải	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	159.500.000.000	170.252.200.651	106,76%
Lợi nhuận trước thuế	31.640.000.000	44.005.479.034	
Lợi nhuận sau thuế	24.245.000.000	37.465.018.578	
Chia cổ tức	20%	20%	
Bằng tiền	10%	10%	
Bằng cổ phiếu	10%	10%	
Tỷ trọng LN trước thuế/ Tổng doanh thu %	19,85%	25,85%	



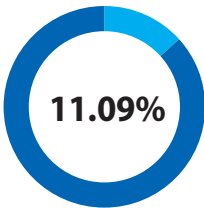
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu.

Các chỉ số tài tài chính (tại thời điểm 31/12/2009)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu	22,01%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (%) (ROA)	8,16%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn sở hữu (%) (ROE)	11,09%



Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản



Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn sở hữu

Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Sản lượng giao nhận bằng đường biển:**
 - + 12.598 Teus, đạt 76,17% kế hoạch năm 2009
 - + 96.332 Tấn đạt 84,03% kế hoạch năm 2009
 - + 384.092 Cbm đạt 86,72% kế hoạch năm 2009
- **Sản lượng giao nhận bằng đường hàng không:**
 - 2.133 Tấn, đạt 203,90% kế hoạch năm 2009
- **Sản lượng Container qua cảng:**
 - + Container hàng: 112.226 Teus, đạt 112,23% kế hoạch năm 2009
 - + Container rỗng: 104.694 Teus, đạt 116,33% kế hoạch năm 2009
- **Sản lượng hàng qua kho:**
 - + Kho CFS: 193.368 Cbm, đạt 107,43% kế hoạch năm 2009
 - + Kho NQ hàng xuất khẩu: 15.790 tấn, đạt 126,32% kế hoạch 2009
 - + Hàng nhập khẩu: 36.568 m³, đạt 121,84% kế hoạch năm 2009
- **Khối lượng vận chuyển:**
 - + Container hàng: 12.690 Cbm
 - + Container rỗng: 1.070 Cbm



Yale



TRANSIMEX-SAIGON

N 11

Yale

TRANSIMEX-SAIGON

N11

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2009

"Hoàn thành các nội dung kế hoạch đề ra trong Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2008."



Doanh thu tăng trưởng so với kế hoạch

10% - 15%

Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2009 của Công ty Cổ phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP. HCM đạt được những kết quả đáng kể, mặc dù năm 2009 Công ty gặp nhiều khó khăn, với những biến động của khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu mà Việt Nam cũng là một trong những nước chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV Công ty đã đạt được những thành quả đáng tự hào, cụ thể là:

- Tổng doanh thu SXKD vượt kế hoạch đề ra với mức tăng trưởng từ 10% - 15%.
- Hoàn thành các nội dung kế hoạch đề ra trong Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2008.

- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty đã thường xuyên bám sát hoạt động của Công ty trong từng thời điểm, từng hoàn cảnh của nền kinh tế để đưa ra những quyết sách hợp lý, không ngừng nghiên cứu, hoạch định bổ sung các nội dung đầu tư mới, khi có điều kiện thuận lợi, như thông qua các dự án tiềm năng mới, tham gia đầu tư góp vốn vào các Công ty cùng ngành nghề, Công ty liên doanh – liên kết, có sức phát triển tốt và hỗ trợ được cho Công ty Transimex – Saigon trong tương lai. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị - tùy từng điều kiện công tác và lĩnh vực quản trị khác nhau, đã không ngừng tìm kiếm và giới thiệu cho Transimex – Saigon cơ hội đầu tư khi có điều kiện.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KINH DOANH DỊCH VỤ NĂM 2010

Năm 2010 là một năm có nhiều dự báo khác nhau cho việc phát triển của nền kinh tế, và nhận định chung là chúng ta vẫn phải phát triển trong bối cảnh khó khăn của thời kỳ đầu mới hồi phục của cuộc khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, với dấu hiệu hồi phục của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, năm 2010 là một năm hứa hẹn có nhiều cơ hội tốt.



Bên cạnh đó, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, mục tiêu chính là tăng trưởng bền vững và sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, giữ vững và phát triển thương hiệu. Công ty mẹ và Công ty con phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2010, đảm bảo tốc độ tăng trưởng về doanh thu từ 30% đến 40% và về lợi nhuận tăng hơn 1,5 lần so với thực hiện năm 2009.

Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và đưa vào hoạt động có hiệu quả các dự án công trình xây dựng cầu cảng 2.400T. Hệ thống kho bãi, văn phòng Trung Tâm Kho Cảng, hệ thống điện,... Trong năm 2010, Công ty sẽ đẩy mạnh công tác đầu tư tài chính, ưu tiên tập trung nguồn lực để thực hiện các dự án trọng điểm có nhiều tiềm năng, hiệu quả đầu tư cao như:

Các chỉ tiêu cụ thể

Sản lượng

- Sản lượng giao nhận bằng đường biển: 16.124 Teus, 12.474 Tấn
- Sản lượng giao nhận bằng đường hàng không: 1.524 Tấn
- Sản lượng Container qua cảng:
 - + Container hàng: 233.000 Teus
 - + Container rỗng: 81.000 Teus
- + Transimex Depot: 38.800 Teus
- Sản lượng hàng qua kho:
 - + Kho CFS: 153.000 Cbm
 - + Kho NQ: 32.500 Cbm
- Khối lượng vận chuyển: 50.000 teus

Tài chính

- Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh:
- Tổng doanh thu:
 - + Năm tài chính (từ 01/01/2010-31/03/2010): 48 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện Q1 năm 2009.
 - + Năm tài chính (từ 01/04/2010-31/03/2011): 243 tỷ đồng, tăng 50% so với thực hiện Q1 năm 2009.
- Lợi nhuận trước thuế:
 - + Năm tài chính (từ 01/01/2010-31/03/2010): 7 tỷ đồng, tăng 70% so với thực hiện Q1 năm 2009.
 - + Năm tài chính (từ 01/04/2010-31/03/2011): 70 tỷ đồng, tăng 59% so với thực hiện năm 2009.

Dự án

- Tiếp tục và hoàn thành công trình cải tạo nâng cấp TTKC ICD TRANSIMEX.
- Đưa vào hoạt động nhà kho lạnh, kho CFS, cầu khung RTG.
- Đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề.
- Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Hàng Hải Hà Nội, Công ty xếp dỡ cảng Hải An Hải Phòng.
- Đại lý phân phối độc quyền xe và phụ tùng cho một trong những hãng sản xuất xe vận tải nổi tiếng của Mỹ.
- Đẩy mạnh đầu tư vào Khu công nghệ cao TP. HCM và các khu CN trên cả nước.



Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Triển khai có hiệu quả các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong SXKD, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistics, dịch vụ cảng, kho bãi; xây dựng các cơ sở hạ tầng kho, bãi, mua sắm các trang thiết bị vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Trung Tâm Kho Cảng, Transimex Depot, các Chi nhánh, các Công ty phụ thuộc.
- Tập trung củng cố phát triển thị trường nội địa, nhất là dịch vụ phân phối, tìm kiếm bổ sung khách hàng mới, nâng cao sức cạnh tranh, trình độ nghiệp vụ quản lý, đáp ứng tiến trình hội nhập kinh tế thế giới. Quảng cáo mạnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, đưa thông tin nhanh đến khách hàng, các nhà đầu tư.
- Phát huy tính hiệu quả của hoạt động đầu tư Tài chính, rà soát tổng thể cơ cấu lại các danh mục đầu tư phù hợp với nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn phát hành cổ phiếu đúng mục đích. Đánh giá lựa chọn các Công ty có cùng ngành nghề hoặc các Công ty có khả năng hỗ trợ các hoạt động của Công ty để góp vốn mua cổ phiếu, tiến tới chi phối, tăng giá trị thực các loại cổ phiếu do Transimex – Saigon đầu tư và phát hành.
- Thúc đẩy hoạt động các dự án đầu tư, đẩy mạnh tiến độ thực hiện dự án quy hoạch cải tạo nâng cấp Trung Tâm Kho Cảng ICD. Hợp tác đầu tư, liên kết với các Công ty cùng ngành nghề, Cảng Đình Vũ,... Tiến hành hợp tác làm đại lý cho hãng xe ô tô Freight Liner của Mỹ để cung cấp các thiết bị và xe ô tô đầu kéo trên thị trường Việt Nam.
- Xây dựng mới một cầu cảng, nối với cầu cảng hiện hữu tại cảng ICD Transimex đủ năng lực tiếp nhận sà lan 2.400 tấn vào làm hàng (cầu rộng 16 m, dài 150 m), đầu tư mới một cần cẩu cố định 40 tấn.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, lập kế hoạch, tổ chức quản lý và sử dụng vốn của Công ty theo đúng qui định, an toàn và hiệu quả. Thường xuyên theo dõi biến động nguồn vốn, kịp thời điều chỉnh kế hoạch tài chính phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy và phát triển nguồn nhân lực. Định biên, xác định tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc, sắp xếp điều chuyển luân phiên nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc theo định hướng phát triển của Công ty.
- Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo theo qui trình, thực hiện liên kết với các tổ chức, các trường Đại học chuyên ngành, cung ứng nguồn lao động có chất lượng cao. Thực hiện đào tạo chuyên sâu kiến thức về Logistics quản trị kinh doanh....cho cán bộ trẻ, có triển vọng, bổ sung nguồn cán bộ dự bị, kế thừa.
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Trong đó, cần đánh giá đúng về thực trạng, cơ hội, nguy cơ thách thức của Công ty, những giải pháp trước mắt và lâu dài để đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2009 của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2010 như sau:

Căn cứ:

- Nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41 - Điều lệ Hoạt động Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương.
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 25/04/2009.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C kiểm toán.

Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát

- Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty trong từng thời gian .
- Đại diện Ban Kiểm soát cũng có tham gia vào các đơn vị, Ban quản lý hoạt động thường ngày của đơn vị để có những thông tin chính xác và thường xuyên về các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau, đánh giá tình hình hoạt động của công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.
- Hội Đồng Quản Trị đã đảm bảo duy trì các cuộc họp thường kỳ, theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và có những chính sách kịp thời tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám Đốc điều hành kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường.

Đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty

So sánh việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2009

- Tình hình doanh thu:
 - + Bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm 2009 là: 170.252.200.651 đồng
- Về lợi nhuận gộp:
 - + Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm 2009 là : 44.005.479.034 đồng

Tình hình đầu tư đổi trang thiết bị và xây dựng

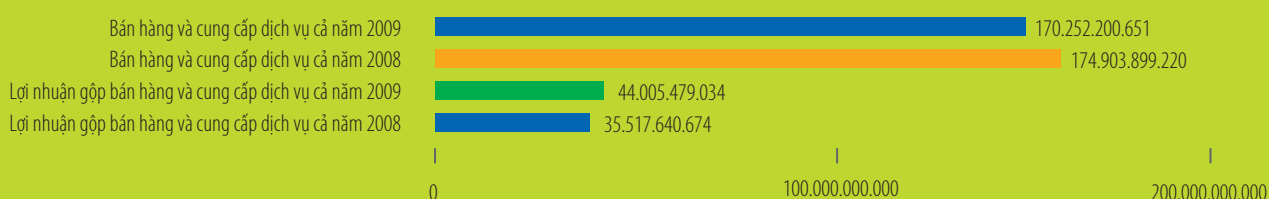
- Tình hình tăng tài sản cố định:
 - + Trang bị thêm 63 xe đầu kéo và 102 Romooc kéo container.
 - + Trang bị thêm 02 xe nâng chuyên dùng trong kho.
 - + Trang bị thêm 2 khung cầu RTG nâng hạ container ngoài bãi.
- Tình hình đầu tư XD CB:
 - + Tòa nhà văn phòng TMS Building đã hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh .
 - + Tòa nhà Văn phòng Trung tâm kho cảng vừa mới hoàn thành.
 - + Dự án cải tạo nâng cấp Trung tâm kho cảng đang tiếp tục triển khai : Kho lạnh – Kho CFS – Đường chạy cầu RTG dự kiến hoàn thành vào giữa năm 2010.

Tình hình thành lập các doanh nghiệp mới

Nhằm đa dạng hóa ngành nghề, và mở rộng hoạt động. Tháng 10/2009 căn cứ vào nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 10 ngày 27/07/2009. Công ty đã thống nhất thông qua việc thành lập các Công ty thành viên trực thuộc như sau:

- Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Kho vận Giao nhận Ngoại thương (TMS-Property) với tổng vốn điều lệ là 80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng), thời gian hoạt động là 50 năm.

So sánh kết quả hoạt động năm 2008 và 2009 (đã hợp nhất)



Nhận xét

- Mặc dù năm 2009 là năm gặp nhiều khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động lớn đến các doanh nghiệp xuất khẩu và các doanh nghiệp Logistic nhưng với kết quả đạt được trên đây đã thể hiện sự cố gắng lớn của toàn thể toàn thể CB - CNV và sự năng động của Hội đồng Quản trị cũng như Ban giám đốc trong công tác điều hành năm 2009 đã tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn nhằm đạt hiệu quả và mở rộng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết luận và kiến nghị

Trong năm 2009 Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của TMS.

- Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.
- Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với ý kiến của kiểm toán là Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2009 là năm hoạt động nhiều khó khăn và đầy biến động. Ban kiểm soát nhận thấy Công ty vẫn đang gặp nhiều khó khăn thách thức hơn thuận lợi. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty và phát triển tốt và có chiều hướng mở rộng. Ban kiểm soát đánh giá đây là sự năng động của HĐQT và Ban điều hành công ty.

Kiến nghị

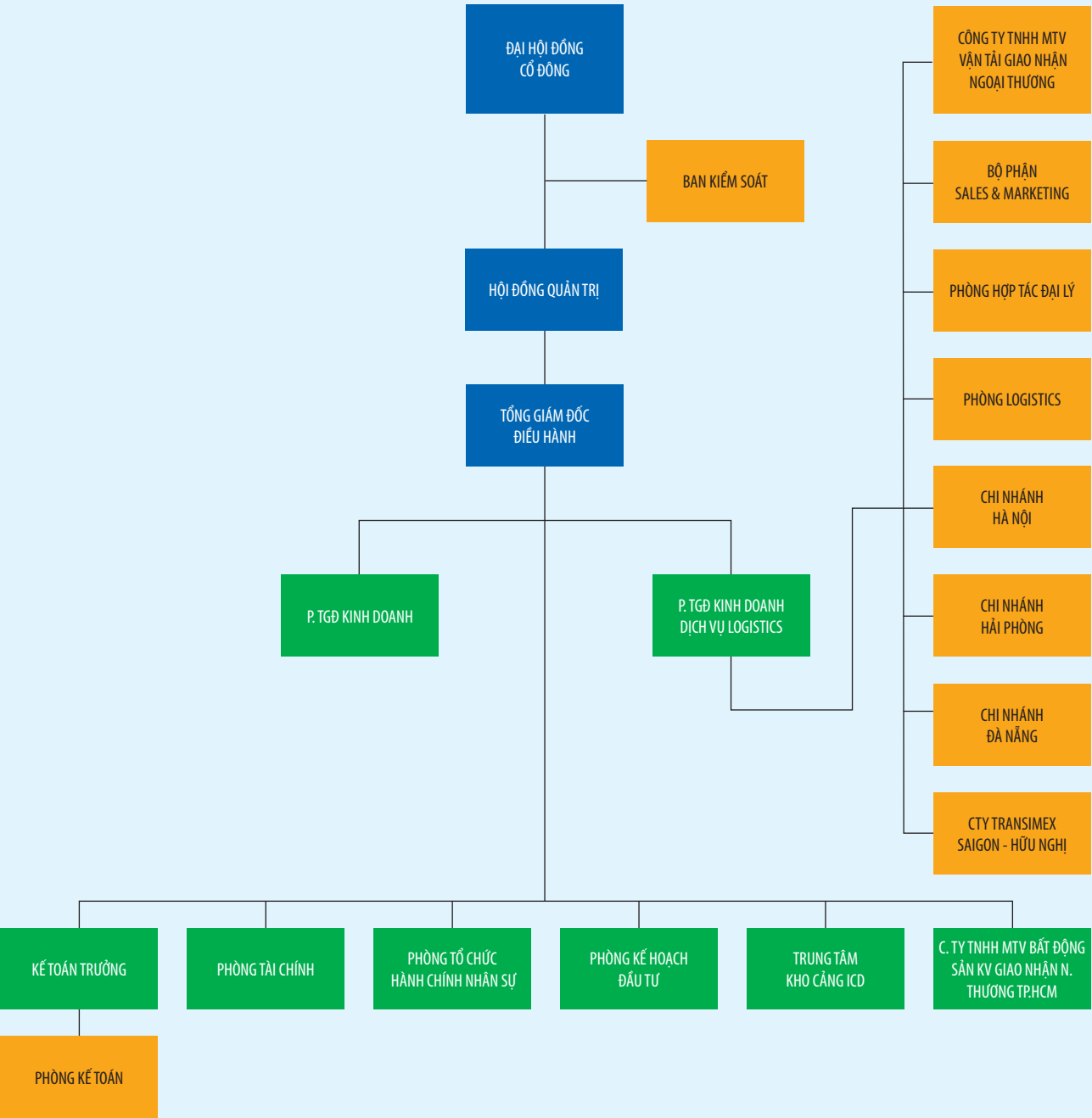
- Hiện nay Công ty đang phát triển có nhiều dự án đầu tư và hoạt động theo mô hình tập đoàn do đó Công ty nên có quy chế, qui định về công tác quản lý các dự án đầu tư và qui định chung về quản lý và điều phối vốn giữa các đơn vị thành viên trong cùng tập đoàn.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2009. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Bộ phận Phòng ban Công ty CP Giao nhận Ngoại thương TP. HCM đã tạo điều kiện tốt để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Trân trọng,

Ông Nguyễn Công Hiếu - Trưởng Ban Kiểm Soát

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA TRANSIMEX - SAIGON





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ TRANSIMEX - SAIGON

Transimex – Saigon luôn đào tạo, phát triển và bổ nhiệm CB-CNV một cách phù hợp, luôn tạo điều kiện cho các nhân viên gắn bó với nơi làm việc của mình. Năm 2009, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ cho CB-CNV theo quy định của nhà nước.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng nhân sự của Transimex-Saigon phát triển cùng với quy mô và tăng trưởng của Công ty qua các năm. Tổng số lao động của TMS tính đến 31/12/2009: 362 người.

Các chế độ và chính sách đối với người lao động:

Năm 2009, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ cho CB-CNV theo quy định của nhà nước. Cụ thể như sau:

- Thực hiện đăng ký đầy đủ các loại hình Bảo hiểm cho người lao động trong Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB-CNV Công ty.
- Tặng quà Trung thu và tặng quà cho thiếu nhi con của CB-CNV trong Công ty nhân dịp Quốc tế thiếu nhi.
- Tổ chức đi nghỉ mát cho toàn thể CB-CNV, trong đó, cán bộ quản lý, nhân viên suất sắc đạt thành tích cao được đi tham quan, du lịch ở nước ngoài.
- Tặng quà cho các chị em nữ nhân dịp Lễ 8/3 hàng năm.
- Đề xuất thưởng cho CB-CNV vào các ngày Lễ lớn trong năm.
- Kết hợp với Công đoàn Công ty, tổ chức hội thao hàng năm vào các dịp lễ: 30/4 và 01/05.



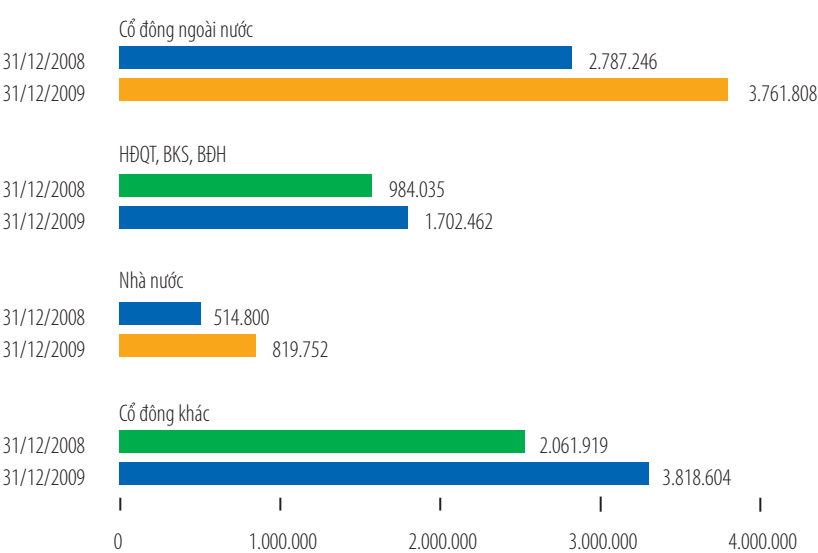


THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu Cổ Đông (Tại thời điểm 31/12/2009)

	ĐVT Cổ phiếu
Cổ đông ngoài nước	3.761.808
HĐQT, BKS, BGD	1.702.462
Nhà nước	819.752
Cổ đông khác	3.818.604

Cơ cấu Cổ Đông năm 2008 và 2009 (Đơn vị Cổ Phiếu)



CÔNG TÁC SALES VÀ MARKETING

Hoạt động Marketing chuyên nghiệp, hiệu quả, tạo dựng được thương hiệu có uy tín, và thương hiệu “TRANSIMEX-SAIGON” đã và đang được nhiều doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước đón nhận với sự tin tưởng tuyệt đối và lòng tin vào chất lượng dịch vụ, thông qua các hoạt động như sau:

- Thị trường sản phẩm chính (Giao nhận, Dịch vụ cảng, Vận chuyển, Hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án) của Công ty vẫn duy trì ổn định và phát triển.
- Công ty luôn hướng tới việc nâng cao sự khác biệt về giá trị, chất lượng dịch vụ.
- Đồng thời, cũng nghiên cứu phát triển sản phẩm theo nhu cầu thị trường, dự báo xu hướng phát triển của sản phẩm mới.
- Mở rộng mạng lưới khách hàng, đối tác và thị trường trong nước lẫn ngoài nước, đáp ứng nhiều phân khúc thị trường nhằm phục vụ nhiều đối tượng khách hàng.
- Công ty không ngừng đẩy mạnh quảng cáo và cập nhật thông tin thường xuyên đến khách hàng thông qua website: www.transimexsaigon.com và www.vietnamshipper.com, báo Shipping Gazette, báo Vietnam Logistics, Transport Yellow Page....
- Liên kết hợp tác với các hãng tàu, các Công ty cùng ngành nghề tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ với giá cả cạnh tranh, chất lượng hoàn hảo nhất.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN DOANH



CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS VIETNAM LTD.

Tên viết tắt: NEV

Hình thức liên doanh:

- Liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP.HCM (Transimex–Saigon) - TMS và Công ty TNHH Nippon Express Việt Nam –NEV. Trong đó Transimex–Saigon chiếm 50%, Cty Nippon Express chiếm 50%.



CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

Tên Chủ sở hữu:

Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương – TP. HCM

Tên giao dịch: TMS|TRANS

Trụ sở: 7/1 Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức

Ngày hoạt động: 18/03/2009



CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HCM

Tên chủ sở hữu:

Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương – TP. HCM

Tên giao dịch: TMS|TRANS

Trụ sở: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Tp. HCM

Hoạt động: tháng 03/2009



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX SÀI GÒN - HỮU NGHỊ

Tên tiếng Anh: TRANSIMEX SAIGON – HUU NGHỊ

Trụ sở chính: Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Ngành, nghề kinh doanh:

Dịch vụ đại lý giao nhận và đại lý vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ. Dịch vụ kinh doanh kho bãi, bảo quản hàng hóa, đóng gói, kê ký hiệu hàng hóa xuất nhập khẩu và các loại hình: kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói và phát hàng bán lẻ CFS, điểm thông quan nội địa kinh doanh. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan. Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh vận tải đa phương thức. Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ sản phẩm cao su, mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, nông lâm thủy sản, thực phẩm chế biến...

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng.
- Công ty Cổ Phần Transimex Saigon – Hữu Nghị đã được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Bắc Giang cấp phép ngày 13 tháng 01 năm 2009.
- Hiện tại, Công ty đang đầu tư “khu vực kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu và kho ngoại quan”.
- Tổng vốn đầu tư: 6.800.000.000 đồng.
 - + Tiến độ thực hiện dự án: 10 tháng. khởi công xây dựng: tháng 05/2009.
 - + Đưa vào sử dụng: năm 2010.

Chức năng hoạt động:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa Xuất nhập khẩu; Kho ngoại quan; Kho CFS....

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2009:

- Tổng doanh thu: 424.347.653.199 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 49.364.188.257 đồng.

- Nguồn doanh thu, lợi nhuận và hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Nippon Express luôn ổn định và tăng so với năm trước. Tập thể CB-CNV Công ty đã dần tích lũy được kinh nghiệm trong điều hành và nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.
- Hiện tại Công ty đang làm đại lý cho hơn 211 Thành phố và 37 Quốc gia trên thế giới

Ngành nghề kinh doanh:

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.

- Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng.
- Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2009:
+ Tổng doanh thu: 11.213.521.221 đồng.

- Hiện tại, Công ty Vận tải TMS-TRANS được đầu tư trên 85 chiếc xe đầu kéo hiện đại, gần 200 Romooc. Bước đầu đã chiếm được một thị phần nhất định trong lĩnh vực vận tải Container bằng đường bộ.

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.

- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.
- Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2009:
+ Tổng doanh thu: 10.573.588.960 đồng.

- Tòa nhà TMS[BUILDING] với tổng diện tích xây dựng 8.500 m² (gồm 14 tầng và 2 tầng hầm), trong đó Công ty Transimex – Saigon đã sử dụng 2 tầng của cao ốc làm trụ sở chính, 100% diện tích còn lại đã được cho thuê. Đây cũng là nguồn thu ổn định, khá lớn cho Công ty trong năm 2009 và những năm tới.
- Công ty Bất động sản TMS[BUILDING] đang hợp tác với Công ty Norfolk cung cấp và quản lý dịch vụ văn phòng theo tiêu chuẩn Quốc tế, thích hợp cho các cơ quan đại diện, thương gia, các tập đoàn nước ngoài muốn có ngay văn phòng làm việc tại Việt Nam mà không phải tốn nhiều chi phí và thời gian thuê mặt bằng, trang trí nội thất.



ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ ĐỘI TÀU

- Tháng 8/2009, thực hiện chiến lược phát triển Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa, đã được HĐQT phê duyệt, Transimex – Saigon đã đầu tư mua và đóng mới 02 tàu vận chuyển container cấp S1, trọng tải 2.400 tấn, sức chở tối đa 128 (teus).
- Đầu năm 2010, đội tàu Transimex – Saigon đã chính thức đưa vào khai thác, Công ty Transimex – Saigon (TMS) và Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn (SHC) sẽ hợp tác khai thác tàu vận chuyển Container tuyến Sài Gòn – Cái Mép và ngược lại. Hiện tại, mỗi tuần hai đơn vị vận chuyển khoảng 1.000 container hàng hóa trên tuyến đường này.
- Việc sở hữu đội tàu là một trong những thế mạnh của Công ty TMS, cung cấp dịch vụ trọn gói Cảng – Vận tải – Logistics cho khách hàng ngày càng cao.
- Hiện Transimex – Saigon đang chuẩn bị triển khai dịch vụ vận chuyển container bằng đường thủy theo tuyến Saigon – Phnompenh – Cái Mép – Saigon.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TRANSIMEX-SAIGON GIAI ĐOẠN 2010-2015



Đạt tỷ lệ tăng tỷ suất

lợi nhuận/doanh thu từ 10-15%

mỗi năm và nâng cao giá trị cổ

phiếu của Công ty.

- Đầu tư xây dựng hệ thống Cảng đường thủy nội địa, Logistics và mạng lưới dịch vụ kho bãi, vận chuyển giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại các KCN, KCX và các vùng kinh tế trọng điểm.
- Đầu tư xây dựng Kho Ngoại Quan – Khu Bảo thuế - Khu Logistics tại Khu Công nghệ cao TP. HCM, trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics chủ yếu tại Khu Công nghệ cao TP. HCM.
- Hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác phát triển ngành nghề thương mại, dịch vụ tại các trung tâm kinh tế trong và ngoài nước.
- Hoạt động đầu tư tài chính, bất động sản.
- Giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống là Nhật Bản, Châu Âu, Châu Á. Tiếp tục mở rộng thêm thị trường ở một số nước khác như: Nga, Mỹ và Châu Úc.
- Phát triển về ưu thế công nghệ, quản lý, xây dựng hệ thống vệ tinh, mạng lưới các chi nhánh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho các dự án, công trình có nhu cầu về kỹ thuật và qui mô lớn.
- Xây dựng và kinh doanh văn phòng cho thuê.
- Tăng ngân sách đào tạo đội ngũ CB-CNV để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý.
- Đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả cho các dự án đầu tư cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.
- Đạt tỷ lệ tăng tỷ suất lợi nhuận/doanh thu từ 10-15% mỗi năm và nâng cao giá trị cổ phiếu của Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- » Báo cáo kiểm toán
- » Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2009
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- » Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- » Phụ lục



Số: 0222/2010/BCTC-KTTV
BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH một thành viên Vận tải Giao nhận Ngoại thương (sau đây gọi chung là Tập đoàn)) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2010, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề chưa thống nhất

Để phù hợp giữa doanh thu và chi phí, Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành phân bổ chi phí hoa hồng môi giới của hoạt động cho thuê toà nhà theo thời gian thuê. Tuy nhiên về hạch toán chi phí bán hàng chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty đang treo lại 2.084.921.291 VND để phân bổ cho các năm sau đã làm cho lợi nhuận tăng lên tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1199 /KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.931.654.616	44.184.271.611
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.270.222.425	22.550.894.201
I. Tiền	111		16.909.122.425	22.550.894.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.361.100.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.091.890.067	254.655.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.422.808.115	254.655.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.330.918.048)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.701.980.896	11.512.909.217
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	11.765.005.238	8.501.033.492
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	38.642.201.776	346.442.680
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	7.294.773.882	2.665.433.045
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.420.991.521	2.574.008.190
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.420.991.521	2.574.008.190
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.446.569.707	7.291.805.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.228.098.049	1.219.530.471
2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.180.643.921	3.324.870.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.494.430.764	1.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	2.543.396.973	2.746.403.605
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		329.293.904.529	213.892.443.939
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		175.257.183.534	162.460.675.033
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 11	127.438.620.111	91.234.040.352
Nguyên giá	222		211.640.453.790	160.419.123.251
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.201.833.679)	(69.185.082.899)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 12	2.756.574.381	2.737.277.502
Nguyên giá	228		2.957.818.000	2.924.068.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.243.619)	(186.790.498)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V. 13	45.061.989.042	68.489.357.179

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(TIẾP THEO)

ĐVT: VNĐ				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240	V. 14	81.926.051.184	-
Nguyên giá	241		84.635.063.351	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.709.012.167)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		68.246.329.111	50.741.169.973
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 15	55.600.737.038	41.405.588.473
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V. 16	12.645.592.073	9.731.915.555
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(396.334.055)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.864.340.700	690.598.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 17	589.712.098	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V. 18	1.204.639.862	367.493.793
3. Tài sản dài hạn khác	268	V. 19	2.069.988.740	323.105.140
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459.225.559.145	258.076.715.550

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		118.014.865.774	30.715.077.301
I. Nợ ngắn hạn	310		36.792.310.569	24.215.558.001
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	2.067.289.687	6.461.552.194
2. Phải trả người bán	312	V.21	3.462.600.467	2.607.327.395
3. Người mua trả tiền trước	313		2.666.765.336	340.160.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.201.963.572	2.796.029.593
5. Phải trả người lao động	315	V.23	4.465.150.727	5.762.127.261
6. Chi phí phải trả	316	V.24	4.675.136.439	1.312.477.832
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	17.253.404.341	4.935.883.726
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		81.222.555.205	6.499.519.300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	6.098.953.650	35.808.800
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	75.123.601.555	6.463.710.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

(TIẾP THEO)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.210.693.371	227.361.638.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	337.720.284.729	222.567.307.633
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		101.026.260.000	63.480.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		116.370.057.853	73.135.477.853
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		636.551.750	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25.779.432.873	22.277.999.640
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.854.303.520	5.687.159.109
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		87.053.678.733	57.986.671.031
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		3.490.408.642	4.794.330.616
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	V.29	3.490.408.642	4.794.330.616
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459.225.559.145	258.076.715.550

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Ngoại tệ các loại (USD)		236.480.60	504.089.79
5. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Hoàng Công Phước
Kế toán trưởng

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.252.200.651	174.903.899.220
2. Các khoản giảm trừ	03		-	61.020.382
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	170.252.200.651	174.842.878.838
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	133.339.360.097	139.207.460.303
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.912.840.554	35.635.418.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.086.598.540	14.751.230.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.683.811.513	1.886.845.410
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.079.371.808	1.421.850.938
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	680.486.698	242.363.338
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.356.610.128	13.719.504.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.278.530.755	34.537.935.674
11. Thu nhập khác	31	VI.7	396.821.016	1.026.530.783
12. Chi phí khác	32	VI.8	941.853.476	46.825.783
13. Lợi nhuận khác	40		(545.032.460)	979.705.000
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	18.271.980.739	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.005.479.034	35.517.640.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	7.377.606.525	8.323.499.302
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	(837.146.069)	(182.360.878)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.465.018.578	27.376.502.250
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. 2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		37.465.018.578	27.376.502.250
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.811	4.313

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Hoàng Công Phước
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp năm 2009

ĐVT: VNĐ				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.005.479.034	35.517.640.674
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12,14	19.747.857.310	15.847.242.192
Các khoản dự phòng	03	VI.4	1.330.918.048	396.334.055
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		636.551.750	(405.830.082)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.087.630.870)	(40.181.818)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.079.371.808	1.421.850.938
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.712.547.080	52.737.055.959
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.412.980.453)	(572.013.519)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.846.983.331)	(472.187.405)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.144.628.908	(5.477.551.086)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.598.279.676)	2.372.013.361
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.079.371.808)	(1.421.850.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(7.850.675.508)	(7.040.206.634)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		632.200.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.033.445.206)	(3.280.181.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.667.640.006	36.845.078.537
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,12,13,14	(115.322.903.234)	(69.341.347.473)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		136.458.702	40.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		265.051.067	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.412.296.707)	(14.337.115.555)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	57.847.391.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.608.509.842	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(119.725.180.330)	(25.790.889.810)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	80.780.840.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20. 27	94.918.890.062	3.229.552.194
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20. 27	(30.653.261.514)	(3.232.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.269.600.000)	(9.522.000.000)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143.776.868.548	(9.524.447.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		30.719.328.224	1.529.740.921
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.550.894.201	21.021.153.280
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	53.270.222.425	22.550.894.201

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Hoàng Công Phước
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH một thành viên Vận tải Giao nhận Ngoại thương (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ hàng hải, kinh doanh tổng hợp, vận tải.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD.
- Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.
- Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan.
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước.
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc.
- Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác.
- Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, nông lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, bách hóa, điện máy, vải sợi, thực phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng hàng trang trí nội thất, phương tiện vận tải, xe máy, nông ngư cơ, nông dược các loại, máy móc văn phòng.
- Kinh doanh xăng dầu, gas, dầu mỡ, nhờn.
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí trụ sở).
- Chuyển phát.
- Đại lý du lịch.

4. Tổng số các công ty con : 01

- Tổng số công ty liên kết : 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Giao nhận Ngoại thương	7/1 Ấp Bình Thọ, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

6. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn giá trị thị trường vào thời điểm cuối năm.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn

thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch do phát hành cổ phần cao hơn mệnh giá.

- Vốn điều lệ : 101.026.260.000 VND
- Thặng dư vốn cổ phần : 116.370.057.853 VND

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty cùng tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

- 31/12/2008 :16.977 VND/USD
- 1/12/2009 :17.941 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	344.854.937	338.802.063
Tiền gửi ngân hàng	16.464.267.488	22.212.092.138
Tiền đang chuyển	100.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	36.361.100.000	-
Cộng	53.270.222.425	22.550.894.201

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	5.157.757.048	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	265.051.067	254.655.000
Cộng	5.422.808.115	254.655.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của hoạt động giao nhận hàng hóa	5.255.717.131	3.786.728.136
Phải thu của hoạt động kho vận, vận tải (ICD)	6.066.973.587	4.714.305.356
Phải thu của hoạt động cho thuê toà nhà	442.314.520	-
Cộng	11.765.005.238	8.501.033.492

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

5. Trả trước người bán: Trả trước nhà cung cấp các hợp đồng xây dựng

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hộ cước	-	87.626.455
Các khoản chi hộ phải thu	7.043.315.934	1.475.402.111
Các khoản phải thu khác	251.457.948	1.102.404.479
Cộng	7.294.773.882	2.665.433.045

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.536.295.190	225.483.795
Phụ tùng thay thế	27.669.326	1.546.533.342
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.857.027.005	801.991.053
Cộng	5.420.991.521	2.574.008.190

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí bảo hiểm	247.776.943	418.343.564	(370.613.469)	295.507.038
Chi phí công cụ dụng cụ	-	1.216.381.860	(967.912.148)	248.469.712
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	358.275.000	846.518.814	(1.098.970.382)	105.823.432
Chi phí quản lý tòa nhà		3.050.958.564	(966.037.273)	2.084.921.291
Chi phí ngắn hạn khác	613.478.528	1.095.368.432	(1.215.470.384)	493.376.576
Cộng	1.219.530.471	6.627.571.234	(4.619.003.656)	3.228.098.049

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước: Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.231.965.145	1.842.000.260
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.009.406	623.980.923
Tài sản thiếu chờ xử lý	280.422.422	280.422.422
Cộng	2.543.396.973	2.746.403.605

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.831.459.936	-	91.791.666.572	6.230.389.483	565.607.260	160.419.123.251
Tăng do mua sắm mới	54.737.273	133.333.333	53.131.239.519	762.147.895	-	54.081.458.020
Thanh lý, nhượng bán	(1.785.851.455)	-	(988.264.276)	(86.011.750)	-	(2.860.127.481)
Số cuối năm	60.100.345.754	133.333.333	143.934.641.815	6.906.525.628	565.607.260	211.640.453.790
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	127.642.614	-	3.048.883.227	1.629.269.173	565.607.260	5.371.402.274

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị,dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	22.846.817.295	-	41.974.251.477	3.798.406.867	565.607.260	69.185.082.899
Khấu hao trong năm	4.492.969.921	-	11.477.647.611	1.053.774.490	-	17.024.392.022
Thanh lý, nhượng bán	(889.807.459)	-	(1.031.822.033)	(86.011.750)	-	(2.007.641.242)
Số cuối năm	26.449.979.757	-	52.420.077.055	4.766.169.607	565.607.260	84.201.833.679
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	38.984.642.641	-	49.817.415.095	2.431.982.616	-	91.234.040.352
Số cuối năm	33.650.365.997	133.333.333	91.514.564.760	2.140.356.021	-	127.438.620.111
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.708.840.000	32.500.000	182.728.000	2.924.068.000
Mua trong năm	-	-	33.750.000	33.750.000
Số cuối năm	2.708.840.000	32.500.000	216.478.000	2.957.818.000
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	4.062.498	182.728.000	186.790.498
Khấu hao trong năm	-	4.062.498	10.390.623	14.453.121
Số cuối năm	-	8.124.996	193.118.623	201.243.619
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.708.840.000	28.437.502	-	2.737.277.502
Số cuối năm	2.708.840.000	24.375.004	23.359.377	2.756.574.381
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	4.886.967.000	58.073.126.982	(28.567.946.223)	34.392.147.759
XDCB dở dang	63.557.615.179	31.623.891.274	(84.635.063.351)	10.546.443.102
Công trình cao ốc 172 Hai Bà Trưng	63.557.615.179	21.077.448.172	(84.635.063.351)	-
Công trình nâng cấp ICD	-	10.546.443.102	-	10.546.443.102
Chi phí sửa chữa lớn	44.775.000	78.623.181	-	123.398.181
Cộng	68.489.357.179	89.775.641.437	(113.203.009.574)	45.061.989.042

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	84.635.063.351
Số cuối năm	84.635.063.351
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	2.709.012.167
Số cuối năm	2.709.012.167
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	81.926.051.184

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay
Thu nhập từ việc cho thuê	10.579.770.780
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	6.463.285.645
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 Công ty chưa có điều kiện để xác định lại giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư trên.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam. Vốn đầu tư của Công ty chiếm tỉ lệ 50% vốn pháp định của Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam là 19.200.000.000 VND tương đương 1.200.000 USD. Ngoài phần vốn góp ban đầu là 4.944.800.000 VND, phần vốn tăng thêm được bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển hiện có của Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam. Chi tiết như sau:

Vốn góp	9.600.000.000
Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết	46.000.737.038
Số cuối năm	55.600.737.038

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	12.225.592.073	9.731.915.555
Đầu tư dài hạn khác	420.000.000	-
Cộng	12.645.592.073	9.731.915.555

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa bãi xe Hoàng Hữu Nam	-	356.398.466	(135.770.848)	220.627.618
Chi phí mua thẻ hội viên sân Golf	-	369.084.480	-	369.084.480
Cộng	-	725.482.946	(135.770.848)	589.712.098

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản trích trước chi phí phải trả. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	367.493.793
Phát sinh trong năm	1.204.639.862
Hoàn nhập trong năm	(367.493.793)
Số cuối năm	1.204.639.862

19. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	2.067.289.687	3.229.552.194
Vay dài hạn đến hạn trả	-	3.232.000.000
Cộng	2.067.289.687	6.461.552.194

^(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, khoản vay này để bổ sung vốn lưu động, đây là khoản vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.229.552.194	11.730.918.015	-	(12.893.180.522)	2.067.289.687
Vay dài hạn đến hạn trả	3.232.000.000	-	6.463.710.500	(9.695.710.500)	-
Cộng	6.461.552.194	11.730.918.015	6.463.710.500	(22.588.891.022)	2.067.289.687

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về các khoản cung cấp dịch vụ	2.085.900.467	1.381.225.885
Phải trả về mua sắm tài sản cố định	1.376.700.000	1.226.101.510
Cộng	3.462.600.467	2.607.327.395

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	234.244.455	(221.538.383)	12.706.072
Thuế xuất, nhập khẩu		733.783.527	(733.783.527)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.584.598.258	7.377.606.525	(7.850.675.508)	2.111.529.275
Thuế thu nhập cá nhân	211.431.335	845.188.609	(978.891.719)	77.728.225
Thuế nhà đất	-	567.266.860	(567.266.860)	-
Các loại thuế khác	-	135.894.032	(135.894.032)	-
Cộng	2.796.029.593	9.893.984.008	(10.488.050.029)	2.201.963.572

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng loại hình dịch vụ như sau:

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất	0%
Dịch vụ vận chuyển bốc xếp	5%
Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, dịch vụ cho thuê tòa nhà	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giao nhận hàng hóa	3.695.725.681	312.477.832
Chi phí bốc xếp	-	1.000.000.000
Chi phí dịch vụ tòa nhà	979.410.758	-
Cộng	4.675.136.439	1.312.477.832

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	273.155.506	315.801.377
Bảo hiểm y tế	8.296.325	-
Bảo hiểm xã hội	80.787.194	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.365.423	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	631.694.684	-
Phải trả phát hành tiền mua cổ phiếu	6.715.305.000	-
Cổ tức phải trả	-	1.269.600.000
Các khoản thu hộ phải trả	-	3.322.546.805
Các khoản phải trả khác	9.541.800.209	27.935.544
Cộng	17.253.404.341	4.935.883.726

26. Phải trả dài hạn khác: Nhận ký quỹ dài hạn.

27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải (a)	32.619.413.800	6.463.710.500
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (b)	14.433.980.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (c)	14.993.389.455	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (d)	13.076.818.300	-
Cộng	75.123.601.555	6.463.710.500

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để nâng cấp tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	6.463.710.500
Số tiền vay phát sinh trong năm	83.187.972.047
Số tiền vay đã trả trong năm	(8.064.370.492)
Số kết chuyển	(6.463.710.500)
Số cuối năm	75.123.601.555

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (xem phụ lục số 1)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.102.626	6.348.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.102.626	6.348.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.102.626	6.348.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.102.626	6.348.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.102.626	6.348.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.		

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.862.086.849	2.095.521.058	(3.979.572.088)	1.978.035.819
Quỹ phúc lợi	601.544.601	933.715.528	(421.660.267)	1.113.599.862
Quỹ sinh hoạt hội đồng quản trị	330.699.166	700.286.646	(632.212.851)	398.772.961
Cộng	4.794.330.616	3.729.523.232	(5.033.445.206)	3.490.408.642

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	170.252.200.651	174.903.899.220
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(61.020.382)
Doanh thu thuần	170.252.200.651	174.842.878.838
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động giao nhận	70.373.908.078	72.986.715.647
Doanh thu hoạt động kho vận	89.298.521.793	101.856.163.191
Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản	10.579.770.780	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động giao nhận	58.373.798.919	59.579.903.575
Giá vốn dịch vụ của Trung tâm kho cảng ICD	68.502.275.533	79.627.556.728
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản	6.463.285.645	-
Cộng	133.339.360.097	139.207.460.303

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.608.509.842	6.901.909.873
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	452.051.177	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	420.771.651	729.506.855
Doanh thu hoạt động tài chính khác	605.265.870	7.119.813.770
Cộng	4.086.598.540	14.751.230.498

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.079.371.808	1.421.850.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	273.521.657	68.660.417
Dự phòng giảm giá chứng khoán	1.330.918.048	396.334.055
Cộng	2.683.811.513	1.886.845.410

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	588.252.666	207.547.229
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.388.760	20.032.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.655.910	13.796.464
Chi phí khác	16.189.362	987.272
Cộng	680.486.698	242.363.338

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.054.583.829	8.081.169.053
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	566.254.589	581.979.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	757.341.311	562.323.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.338.095.410	2.528.760.273
Chi phí khác	640.334.989	1.965.272.873
Cộng	11.356.610.128	13.719.504.611

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	136.458.702	40.181.818
Phạt do vi phạm hợp đồng	211.360.173	53.115.455
Chi phí khác	49.002.141	933.233.510
Cộng	396.821.016	1.026.530.783

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009

(TIẾP THEO)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	852.486.239	-
Thanh lý vật tư phế thải	71.630.000	22.015.585
Thu nhập khác	17.737.237	24.810.198
Cộng	941.853.476	46.825.783

9. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh

Lợi nhuận ước tính từ 50% lợi nhuận của Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại từ khoản chênh lệch do trích trước chi phí giao nhận, sửa chữa được khấu trừ.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.465.018.578	27.376.502.250
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.465.018.578	27.376.502.250
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.788.173	6.348.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.811	4.313

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.348.000	6.348.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 2 tháng 6 năm 2009	956.006	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2009	484.167	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.788.173	6.348.000

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.974.609.852	14.607.799.206
Chi phí nhân công	37.870.557.117	44.861.254.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.747.857.310	15.847.242.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.435.274.631	75.110.381.158
Chi phí khác	3.023.168.219	2.742.650.707
Cộng	148.051.467.129	153.169.328.252

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.644.695.429	3.169.300.373
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	50.764.023	46.149.112
Phụ cấp	42.551.116	38.682.833
Tiền thưởng	23.210.000	21.100.000
Thù lao	243.100.000	221.000.000
Cộng	4.004.320.568	3.496.232.318

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2009 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 636.551.750 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí như những năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất chỉ bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương. Do đây là năm đầu tiên đơn vị thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Hoàng Công Phước
Kế toán trưởng

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	ĐVT: Đồng						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	63.480.000.000	73.135.477.853	-	18.232.398.815	4.338.625.501	17.766.315.567	176.952.817.736
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	59.182.090.723	59.182.090.723
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	4.045.600.825	1.348.533.608	(9.439.735.259)	(4.045.600.826)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(9.522.000.000)	(9.522.000.000)
...	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.277.999.640	5.687.159.109	57.986.671.031	222.567.307.633
Số dư đầu năm nay	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.277.999.640	5.687.159.109	57.986.671.031	222.567.307.633
Tăng vốn trong năm	37.546.260.000	43.234.580.000	-	-	-	-	80.780.840.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	37.465.018.578	37.465.018.578
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3.501.433.233	1.167.144.411	(8.398.010.876)	(3.729.433.232)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-	636.551.750	-	-	-	636.551.750
Số dư cuối năm nay	101.026.260.000	116.370.057.853	636.551.750	25.779.432.873	6.854.303.520	87.053.678.733	337.720.284.729



Nguyễn Quốc Thịnh
Người lập biểu

Hoàng Công Phước
Kế toán trưởng

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

MESSAGES FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Dear all the customers, partners and shareholders!

On behalf of Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City (TRANSIMEX - Saigon), I would like to send all of you our most respectful salutation.

Ladies and gentlemen!



Over the past 27 years of building and development, till now, TRANSIMEX - Saigon has become one of the first leading units in the field of logistics services. Attaining this achievement is thanks to the efforts of contribution by the collective of the leaders from the Board of Management, the Board of Director and all the staffs and employees of the company, those who days and nights have not flinched from difficulties, hardships, always offering all their efforts and capacities for the development of the company.

Currently, logistics has been becoming an important services industry, contributing a not-small part to the GDP of the whole country. As per the estimate, there are approximately 600 enterprises on the whole country operating in provision of logistics services, however, the hasn't been yet any enterprise in Vietnam having enough capacity for providing logistics services in its true sense; the enterprises of Vietnam currently only play a role as satellites for providing a part of a series in provision of logistics services such as: transport, lease of warehouses, customs declaration ..., not the provider of the whole series of logistics services. On the other hand, the market portion of the provider of Logistics services of Vietnamese businesses is still humble and dispersed.

Being aware of the above problem, TRANSIMEX - Saigon has always determined that the logistics business activities are the key one, in which the company has been concentrating all resources on investment and development of the key segments of services such as transport, warehouses, ICD ports services, customs declaration; transportation, installation of super-long and super heavy cargoes ...

As for transport

TRANSIMEX - Saigon have invested for establishing Tranforwarding – Transport One-member Co., Ltd (TMS-Trans) with 100% capital owned by the Company, specialized in container transport and multimodal goods. With the development strategies of the company, along with the group of young management staffs, dynamic, enthusiastic and of high professional level, the TMS-Trans shall certainly develop into one of the most powerful transport companies of the country.

As for warehouses and ICD port

TRANSIMEX - Saigon has invested more than 160 billion VN Dong for zoning, renovating and upgrading ICDTRANSIMEX into a modern warehouse and port center, with the system of warehouses and yards meeting the International standard, the management system in modern information technology, exploiting at maximum the existing area, enhancing the capacity of customs clearance, creating added value for these areas. Beside that, the company has already entered into cooperation and investment in the yards for empty containers, with the area of more than 3 hectares, and in the near distant future, it will continue to expand the area, to further build bonded warehouses, tax conservation zones, and the central logistics center at one of the largest high –tech zones of the whole country, meeting the increasing needs of the customers.

As for the transportation services, installation of the super long & super heavy cargoes

The company has increasingly consolidated its position in this area thanks to the professionalism and experience of the team of skilled employees and workers. In the year 2010, the company will participate in transportation, installation for many large projects on the whole country.

Also lying in the road map for ameliorating the series of logistics services, the Company is concentrating investments and investment cooperation with other companies of the similar business industry and lines in order to increase the competitiveness, entering into joint venture with Nippon Express Vietnam, investment in building the network to provide logistics services at the key economic regions, industrial zones, border gates, the ports on the whole country, for step by step filling up the complete chain of provision.

Beside the investment for ameliorating the services of the company, TRANSIMEX - Saigon has also always focused on developing the brand names and enterprise culture, developing human resources, improving financial operations, enhancing the effectiveness in financial operations, managing and using the capitals in flexible and effective manner, creating the Added Value, thoroughly applying the system of information technology in the work for managing the resources of the Company.

In addition, TRANSIMEX - Saigon is step by step expanding into other areas of business such as establishment of a Property TMS Company, specialized in conducting the business operation in services of leasing office building and related services, trading of real estates, aiming at the goal for becoming a poly -sector, poly- career corporation.

In the setting that the world economy as well as the Vietnamese one are trying to overcome the severe crisis, to achieve the goals as set forth, the Board of Directors has determined the development strategies as follows:

- To maintain fast, strong and sustainable speed of development in accordance with the goals already set forth.
- To develop in width and also in depth.

We believe that, with the proper strategy of the company, along with the cooperation of the counterparts, customers, the non - tired contribution of the staff and employees, the flexibility, determination in management of the leading board, the close steering of the Board of Directors and the active participation of the shareholders, the brand name TRANSIMEX - Saigon will be increasingly developed, achieving the goal for always standing steadily in a position as one of the first leading logistics companies of Vietnam, increasing long-term benefits for the shareholders and the company staff.

Finally, on behalf of the Board of Directors, the Executive Board, and the staff and employees of TRANSIMEX - Saigon, I would like to express our thanks for the shareholders’ trust to the board of management, thanks to our valued customers, and partners for your trusts to and cooperation with TRANSIMEX - Saigon; thanks to the agencies, organizations, and individuals for your supports to our company over the past time. Also, allow me to act on behalf of the leading board of the company, to express our sincere thanks to all the staff and employees for your devotion of all your efforts to the development of the company. Our wish of health, happiness, success to all of you.

Sincerely,
For The Board Of Directors



Mr. Bui Tuan Ngoc - Chairman

GENERAL INFORMATION



Company's Vietnamese name: Cong Ty Co Phan Kho Van Giao Nhan Ngoai Thuong Ho Chi Minh City
Company's English name: Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City
Transaction name: TRANSIMEX-SAIGON
Securities code: TMS
Address of head office: 9-10th Floor, TMS|BUILDING, 172 Hai Ba Trung Street, Dakao Ward, District I, HCMC.
Tel: +84-8-2220 2228
Fax: +84-8-3827 5559
Email: info@transimexsaigon.com
Website: www.transimexsaigon.com

Charter capital :	101,026,260,000 VND (One hundred one billion, twenty-six million two hundred sixty VND only).
Quantity of share issued :	10,102,626 Common shares
Account at :	Vietcombank-Ho Chi Minh City Branch
Account No. :	VND 007.100.0006146; USD 007.137.0082671.
Certificate of Business Registration No :	056651 issued on Dec 03rd 1999 by HCMC Department of Planning and Investment.
Economic field :	Service of forwarding and transport, warehousing and yards, general trading, office lease,... ICD (Inland Clearance Depot) TRANSIMEX-SAIGON with total area of about 100,000 m2 located at Truong Tho Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City.
The Jiont Venture Company :	Nippon Express Co., Ltd.
Activities of the Subsidiaries :	Foreign Trade Trans Forwarding Company Limited. TMS Property Co., Ltd. TRANIMEX SAIGON – HUU NGHIE Corporation.
Branches of Company stationed at Hanoi, Hai Phong, Da Nang.	
Representative Office of Company stationed at Binh Duong and Dong Nai, Tan Thuan EPZ, Industrial Park Zone.	



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH VẬN ĐẠO NHẬP NGOẠI THƯƠNG (TRANSMIX - SÀI GÒN)
TMS | BUILDING
ĐỊA CHỈ: 172 HAI BÀ TRƯNG - Q.1 - TP.HCM

OFFICE
090

HISTORY OF OPERATIONS OF THE COMPANY



Process of Establishment

The predecessor of Transimex – Saigon was a state – owned enterprise, establishment from 1983. Since 01 January, 2000, the Company has been transformed into a Joint stock Company pursuant to Decision No 989/QĐ-TTg dated 26 October, 1999 of the Prime Minister of the Government with the total chartered capital of 22,000,000,000 dong.

The shares of the Company was licensed to be listed on Ho Chi Minh city Stock Exchange Center on 20 July, 2007 .

On 04 August, 2000, the shares of Transimex-Saigon was officially listed on Ho Chi Minh Stock Exchange with the Securities Code as TMS, the total number of listed shares at 2,200,000, the floor offered price of 10,000 dong/share.

Process of development

Lines of business

From 1983 till now, through more than 27 years of formation and development, at present, the Transimex – Saigon company has still always maintained the existing principal lines of business, and further enlarged and developed to other sectors of its strength, as follows:

- Agents for forwarding and transporting of export and import goods, public goods in seaways, airways, and roadways.
- Services of bonded warehouses, CFS warehouses. Conducting business in warehousing and ports. Services in forwarding and transporting export and import goods, rendering services of customs formalities, ocean ships agents, and merchandise brokerage for the ocean ships, foreign and domestic.
- Business services on transit merchandise, services in packaging.. Services in lease of offices, investment and development of real estates projects.
- Services of transportation in roadway.
- Investment of capital in the enterprises of the same lines of business, foreign and domestic.
- Investment in business of finance – securities.
- Services in inland and international waterway transport.

Process for increasing chartered capital

The existing chartered capital is 101,026,260,000 with the process for capital increase as follows:

Order No	Date	Contents
1 st time	06/2004	33.000.000.000 VND
2 nd time	09/2005	42.900.000.000 VND
3 rd time	08/2007	63.480.000.000 VND
4 th time	03/2009	80.026.260.000 VND
5 th time	10/2009	101.026.260.000 VND

Beginning

22 Billion VND

06/2004

33 Billion VND

09/2005

42.9 Billion VND

08/2007

63.48 Billion VND

03/2009

80.02 Billion VND

10/2009

101.02 Billion VND



A number of diplomas and certificates obtained

Date	Diplomas/Certificates	Granted by
1989	Member of the Associations FIATA, VIFFAS,	
02/10/2000	Certificates ISO 9002, ISO 9001	SGS Group
2000	IATA Association	

The prominent events of year 2009

- Setting up Transimex- Huu Nghi Joint stock company at Bac Giang, specialized in conducting the business in warehouses and yards.
- Setting up Ho Chi Minh city Transforwarding – Transport One-member Co., Ltd, specialized in containerized transport by roads.
- Setting up Ho Chi Minh city Real Estates, Transforwarding and Warehousing One - member Co., Ltd, operating since April 2009 and engaged in office lease at the premises of TMS|BUILDING of 4,550 m2 (100% the area on lease was fully filled in Quarter IV/2009).
- To start the project on developing the system for enterprise resources management “ERP”.
- To commence the project for “planning on renovation, upgrading of the ICD Transimex Warehouses and Port Center ”.
- Initiating the policy for merger of Sai Gon Maritime Joint Stock Company (SHC) into Transimex Saigon .
- To sign the business cooperation contract of Depots, exploitation of container yards of nearly 30,000m2,
- To newly build two container ships, at the tonnage of 2,400 tons/ship - maximum carriage of 128 (TEUs) and to have already brought them into operation on 10 January, 2010.

» Mission

- Together with the customers to always enhance the quality of services. To give joint efforts with the partners for maximizing the exploitation of the resources, creating more services of higher and higher quality, specific and unique for the company. The rate of growth and business efficiency of the company are always stable, increase by 15% - 20% per year, increase in market share, in customers, in the earnings for the employees.

» Vision

- Being one of the leading companies in the field of foreign or domestic forwarding of import and export goods. Becoming a powerful group of economy. Internalization in capital, counterparts and investment areas.

» Short term objectives

- To accelerate the progress of the project: "Planning of Warehouse – Port Center " for completion before the set plan for sufficiently meeting the increasing requirement in warehouses, and yards of the customers.
To upgrade 180 m of the existing wharf up to 2400 DWT and to newly build 80 m of 2400 DWT wharf for meeting the requirement of container ships with 2,400 ton capacity berthing ICD port.
- To build the brand name of Transimex Saigon for more and more development and for having enough capacity of competitiveness inside and outside the country. To strive to accelerate the speed for development in the operation scope as well as the chartered capital, ensuring the competitive capacity in accordance with the road map for international integration of Vietnam.
- To incessantly study for enhancing the existing and new services for ensuring the stable and long-term growth.

» Long term objectives

- To continue to make long-term investment in the operation field of Logistics of the company and to further expand other high class services at steady and flexible paces, in combination of deep specialty and diversification, ensuring the stable development with regards to the revenues, profits in difficult situations of the market at present.
- To apply the modern models of management and control in marketing, management of human resources, financial management, and also to further recruit the human forces from outside for maintaining the development index of the company.
- To increase the scope and sphere of operation of the company together with the speed of development of the company inside and outside the country at present for deserving the position as one of the first leading companies in the field of import and export merchandise forwarding of Vietnam.

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Board of Management’s Transimex-Saigon for the tenure of 2008-2013 including 7 members

1.	Mr. Bui Tuan Ngoc	Chairman
2.	Mr. Nguyen Hong Quang	Vice Chairman
3.	Mr. Nguyen Viet Cuong	Member
4.	Mr. Vu Chinh	Member
5.	Mr. Le Duy Hiep	Member
6.	Mr. Le Hung	Member
7.	Mr. Huynh Minh Thao	Member

The General Assembly of Shareholders on March 29, 2008 elected the Board of Management for the tenure of 2008-2013. The Board of Management have agreed upon the division of the sub-committees as follows:

- Subcommittee: BUSINESS MANAGEMENT, FINANCIAL, HUMAN AND SALARY RESOURCE
- Subcommittee: PLAN - INVESTMENT - CAPITAL CONSTRUCTION
- Subcommittee: MARKET RESEARCH & DEVELOPMENT, DEVELOPMENT POLICY
- Subcommittee: JOINT VENTURE AND ASSOCIATION

To perform the duties as assigned by the General Assembly of Shareholders, the Board of Management of the Company has proceeded to develop the activities under the provisions of the company charter, specifically:

The Resolutions of the Board of Management in 2009

After the annual shareholders' general meeting of 2008-2009 to present, the Board of Management has had six meetings and 3 times for taking opinions in writing to adopt the following issues:

- To select the auditing entity for fiscal year 2009.
- To issue the internal regulations on company management.
- The transfer of land use right of the company at D13 Cau Giay New Urban Area, Hanoi.
- The issue for implementing the plan on issuance of 10% shares for payment of dividends in 2009.
- To implement the plans for issuance, selection of the units in consultancy and guarantee for shares issuance for mobilizing capitals for the project on planning of ICD TRANSIMEX Port Warehouses Center.
- The steps of development, progress of implementing the project on planning of ICD TRANSIMEX Port and Warehouse

Center and organizing the bids for selection of building contractors, purchase of RTG cranes for the project.

- The issue of taking loans for the project on planning of ICD TRANSIMEX Port and Warehouses Center.
- Policy on investment in barges for business cooperation with Saigon Maritime Joint Stock Company.
- The investment project and the borrowing plan for investment in transport means for the subsidiaries of TMS-Trans.
- The issue for moving the address of the branch office of TRANSIMEX - Saigon in Hanoi.
- The increase of the budget for short term financial investment of the company.
- Policy on investment in the exclusive agent project for one of the famous American truck manufacturers.
- Policy of investment for further building of wharf of 2400 DWT at ICD Transimex.
- Remuneration for the Board of Management, Board of Supervisors.
- The salary rise for the position of the Acting Managing General Director.
- Program and contents of the documents for submission to the Annual Shareholders’ General Meeting 2009-2010.
- And adopting a number of other matters under the jurisdiction of the Board of Management.

Results for the implementation of the Resolutions of the Annual General Assembly of Shareholders of 2008-2009

In 2009, the Board of Management has successfully and fully implemented the resolutions of the Annual General Assembly of Shareholders 2008-2009, with no issues left unresolved.



Results of monitoring activities of the Executive Board

- The provision of information and reports to the members of the Board of Management has been made regularly and sufficiently, for timely serving the work of steering, supervision by the Board of Management towards the Executive Board. The members have made efforts for working and well fulfilling the tasks assigned, contributing to the achievements of the company in 2009.
- Through the process of monitoring, the Board of Management have found that the Executive board has effectively implemented the resolutions of the Board of Management, timely informing, reporting and adjusting the process of implementation in consistence with the actual situation and the requests from the Board of Management.

Plans of the Board of Management 2010

- Total Turnover:
 - + Fiscal year (from 01 Jan 2010 to 31 Mar 2010): 48 Billion, increase by 40% as compared to the Quarter I executed in 2009.
 - + Fiscal year (from 01 April 2010 to 31 Mar 2011): 243 Billion, increase by 50% as compared to the executed in 2009.
- Before - tax Profit:
 - + Fiscal year (from 01 Jan 2010 to 31 Mar 2010): 7 Billion, increase by 70% as compared to the Quarter I executed in 2009.
 - + Fiscal year (from 01 April 2010 to 31 Mar 2011): 70 Billion, increase by 59% as compared to the executed in 2009.
- Coordinating with joint stock companies, entering into joint venture and association to promote strength, promote the business lines of the company, such as TRANSIMEX Saigon – Huu Nghi Joint Stock Company, Saigon Maritime Joint Stock Company, Nippon Express Vietnam Company, and some other companies still in the stage of implementation.
- To step by step implement the investment projects in the 5 - year development plan of the company. In which, priority is given to the projects bringing back high economic efficiency right in the coming time.
- Focusing on the effective exploitation of the ICD TRANSIMEX Ports and Warehouses Center after completing the plan and TRANSIMEX Depot.
- Focusing on developing the special business companies placed under the Company such as: the Transforwarding – Warehousing One Member Co., Ltd, TMS Property, Transimex Saigon – Huu Nghi.
- Successfully organizing the Annual General Assembly of Shareholders 2008-2009, proposals for submission to the General Assembly of the matters under the jurisdiction of the General Assembly of Shareholders.
- Strengthening the implementation of the Company Management Statute applied to the companies listed on the Stock Exchange for better ameliorating the work of company management.
- To hold regular meetings at least once a quarter for discussing, to adopt the reports, plans and to give timely and effective guidance to the implementation of the resolutions of the General Assembly of shareholders.
- To conduct close supervision and to give timely guidance to the activities of the Executive Board, particularly in the work of implementing new investment projects.
- Organizing extraordinary meetings to settle all the occurring issues under the jurisdiction of the Board of Management.

Our best regards,



Mr Bui Tuan Ngoc - Chairmain

REPORT BY THE EXECUTIVE BOARD



"The company has completed and exceeded the set targets in all aspects of business production in year 2009."

Year 2009 is deemed as the year burdened with lots of difficulties and challenges due to the influence from the world economic crisis which Vietnam could not avoid. However, in this context, with the wise directions from the Board of Directors, armed with close and flexible management of the Executive Board, all the staffs and employees, the Transimex - Saigon has managed to exploit at maximum all advantageous factors, to overcome the difficulties and challenges, to develop the sense of solidarity to make every efforts to fulfill and exceed the targets of business production as set forth. Specifically, the company has completed and exceeded the set targets in all aspects of business production in year 2009.

Beside, the company has implemented the following projects:

- Inaugurating and bringing into use the office building TMS | BUILDING, 172 Hai Ba Trung, at present, even the leasing market is still in difficulty but 100% of the area has already been leased.
- Implementing on or before schedule the project on planning for renovation and upgrading of the Port Center (ICD Transimex). Recently, the company has completed and brought into use office areas for working at the Port Center (ICD Transimex), such articles as cold storages, CFS warehouses, renewing and upgrading container yards, settling RTG crane are being carried out promptly. These articles are proposed to be in excavation in the third quarter of 2010, it surely increases much more the competition advantage of ICD Transimex port in the area and contributes so much in increasing the company's turnover
- Developing ERP project, applying the management by the most advanced software technology, the plan has been prepared to apply in stages at units and the company's professional sections. The company is going to develop the second stage of applying the exclusive management software in professions of ICD port and warehouse operation. The application of this management software will surely take back noticeable efficiency in managing expense; satisfy the demands of our big customers.

- Having opened and brought into operation the fleet of container barge including two barges with the tonnage at 2,400 DWT, maximum carriage of each one is 128 (TEUs). At this time, our company is combining with Saigon Maritime Joint Stock Company to operate service of transporting container by waterway to ports in Ho Chi Minh city, ICD and system of Cai Mep deep-water ports.
- Having invested more than 85 modern head trailers and 200 container chassis for TMS – TRANS, and having occupied at the first step a certain market share in the field of containerized transport by roadway in Ho Chi Minh area and neighbor provinces.

All departments, sections in company, ICD Transimex Ports, TMS – TRANS, branches have tried to operate, develop services and keep stably traditional customers. Trying to look for new customers, services has contributed much into the company's turnover and profit. With such investing in right direction, together with the effort of all staffs and employees, Transimex Saigon will bring into play the strong points, growth firmly and strongly. Transimex Saigon gradually improves its own position in the market...becoming one of the leading logistics companies of Viet Nam.

Sincerely,

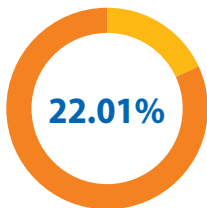


Mr Le Duy Hiep - General Director

THE SITUATION ON IMLEMENTATION OF THE PLAN TARGETS OF 2009

Results of the business production operation

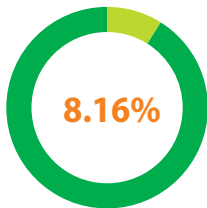
ĐVT: Tỷ đồng			
Items	Plan targets of 2009	Executed in 2009	Executed / Planned
Total turnover	159.500.000.000	170.252.200.651	106,76%
Before -tax profits	31.640.000.000	44.005.479.034	
After-tax profits	24.245.000.000	37.465.018.578	
Division of dividends	20%	20%	
In moneys	10%	10%	
In shares	10%	10%	
Ratio of before -tax profits/total turnover %	19,85%	25,85%	



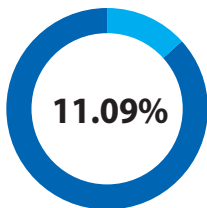
Ratio of after-tax profits and total revenue (%)

Financial indexes (at the time of December 31, 2009)

Ratio of after-tax profits and total revenue (%)	22,01%
Returns on Assets (ROA)	8,16%
Returns on Equity (%) (ROE)	11,09%



Returns on Assets (%) (ROA)



Returns on Equity (%) (ROE)

Details of the results of business production operations

- **Quantities under forwarding by seaways :**
 - + 12.598 Teus, attaining 76.17% of 2009 plan.
 - + 96.332 Tấn, attaining 84.03% of 2009 plan.
 - + 384.092 Cbm, attaining 86.72% of 2009 plan.
- **Quantities under forwarding by airways:**
 - 2.133 Tấn, reaching 203.90% of 2009 plan.
- **Quantity of containers going through ports:**
 - + Laden containers: 112.226 Teus, representing 112.23% of 2009 plan.
 - + Empty containers: 104.694 Teus, representing 116.33% of 2009 plan.
- **Quantity of goods going through warehouses:**
 - + CFS warehouse: 193.368 Cbm, amounting to 107.43% of 2009 plan.
 - + Bonded warehouse for export goods: 15.790 tons, attaining 126.32% of 2009 plan.
 - + Import goods: 36,568 m3, reaching 121.84% of 2009 plan.
- **Volume of Transport:**
 - + Laden containers: 12.690 TEUs
 - + Empty containers: 1.070 TEUs



EVALUATION OF THE SITUATION ON IMPLEMENTING 2009 PLAN

"Completing all the plan contents as set forth in the Annual Shareholders General Assembly of 2009."



Total turnover of business exceeds the set plan with the increase

10% - 15%

In general, the business production situation for 2009 plan of TRANSIMEX SAIGON has obtained remarkable results, in spite of the fact that, in 2009, the company encountered a lot of difficulties, with the variations by global financial and economic crisis from which Vietnam has suffered direct and heavy consequences. However, with the efforts of the Board of Management together with all the staffs and employees, the company has already attained pride - deserving results as follows:

- Total turnover of business exceeds the set plan with the increase of 10% - 15%.
- Completing all the plan contents as set forth in the Annual Shareholders General Assembly of 2009.
- The Board of Directors and Management of the company have constantly given close supervision to the operations of the company in all situations for giving reasonable decisions, incessantly studying, planning for addition to new contents of investment upon having convenient conditions, such as: adoption of new potential projects, participating in investment and capital contribution to the companies of the same lines of business, the companies in joint venture and in association, which have good development and can give supports to Transimex – Saigon in future. The members of the Board of Directors have - depending on different conditions of working and management fields - ceaselessly surveyed and introduced to Transimex- Saigon the opportunities of investment upon having conditions.

DIRECTIONS AND DUTIES OF SERVICES BUSINESS IN 2010

Year 2010 is a year with different forecasts about the development of the economy, with the general assumption that we will still develop in the difficult context of the first period of restoration after the economic crisis. However, with the restoration sign of the global economy in general, and of Vietnam in particular, 2010 will be a promising year with many good opportunities.



In addition, the company will focus all resources to implement successfully the tasks of production and business plans in 2010, with the main goal of sustainable growth and high efficiency in production business, consolidating and developing the brand names. The parent company and its subsidiaries strive to complete the business production plan targets in 2010, to ensure growth of revenue from 30% to 40% and profits increase more than 1.5 higher than the executed results of 2009.

Completing on schedule, ensuring quality, and putting into operation effectively the projects on construction works of 2,400T wharf. Systems of warehouses and yards, offices, the port warehouses center, electrical system.... In 2010, the company will step up the financial investment, with priority focused on the implementation of key projects of promising potential and high efficiency of investment as:

The specific targets

Output

- The volume of forwarding by sea: 16,124 Teus, 12,474 Tons
- The volume of forwarding by air: 1,524 Tons
- The volume of containers throughput the port:
 - + Laden containers: 233,000 Teus
 - + Empty containers: 81,000 Teus
- Transimex Depot: 38.800 Teus
- The volume of goods through warehouse
 - + CFS: 153,000 Cbm
 - + Bonded warehouses: 32.500 Cbm
- Volume of Transport: 50.000 Teus

Finance

- Total Turnover:
 - + Fiscal year (from 01 Jan 2010 to 31 Mar 2010): 48 Billion, increase by 40% as compared to the Quarter I executed in 2009.
 - + Fiscal year (from 01 April 2010 to 31 Mar 2011): 243 Billion, increase by 50% as compared to the executed in 2009.
- Before - tax Profit:
 - + Fiscal year (from 01 Jan 2010 to 31 Mar 2010): 7 Billion, increase by 70% as compared to the Quarter I executed in 2009.
 - + Fiscal year (from 01 April 2010 to 31 Mar 2011): 70 Billion, increase by 59% as compared to the executed in 2009.

Projects

- Continuing and completing the renovation works to upgrade The Port Warehouses Center - TRANSIMEX ICD.
- Putting into operation the Cold warehouses, CFS warehouses, RTG crane frame.
- Investment in the companies of the same business field.
- Entering into business cooperation with Ha Noi Maritime Joint Stock Company; Hai An Hai Phong Port Loading and Discharging Company.
- Exclusive distribution agency of vehicles and spare parts for one of the famous truck manufacturers of the USA.
- Promoting investment in high-tech parks in HCM city and industrial throughout the country.

Key tasks and solutions

- Initiating effectively the measures to overcome difficulties in business production, promoting the business operations in logistics services, port services, warehousing and grounds; building the infrastructure of warehouses and yards; buying means and equipments of transport, cargo handling, serving the needs of business development for ICD Transimex, Transimex Depot, the branches, subsidiaries.



- Focus on strengthening and developing domestic markets, especially in service of distribution, searching and adding new customers, enhancing competitiveness, level and professional skills in management, meeting the process of the world economic integration process. Promoting and propagating the brand name on mass media, bringing information quickly to customers, investors.
- Promoting the effectiveness of the activities in finance investment and reviewing in all aspects, restructuring the investment portfolio in accordance with the capital, using the capital from shares issue for the right purposes. Evaluating and selecting the companies of similar industry or the companies with the ability in support to the activities of the company to contribute capital for buying stocks, then proceeding to govern and to increase the real value of the stocks invested and issued by TRANSIMEX - Saigon .
- Promoting the activities of investment projects, stepping up the progress in implementation of the project on zoning, renovation and upgrading of the ICD Port Warehouse Center. Entering into investment cooperation, association with the companies of similar lines of business, Dinh Vu Port ... Conducting cooperation as the agent for one of the famous truck manufacturers of the USA to provide equipment and prime movers in the market of Vietnam.
- Building a new wharf, in connection to the existing wharf at Port ICD TRANSIMEX, having sufficient capacity for receiving 2,400 –ton barges for cargo handling (quay of 16 m wide, 150 m long), proceeding with a new investment of a fixed crane of 40 tons.
- Strengthening the work of financial management, planning and organizing the management and use of capital of the Company in accordance with the regulations, in safe and efficient manner. Regularly following up the variation of capital, timely adjusting financial plans in accordance with the development orientation of the company.
- Continuing to restructure the apparatus and developing the human resource. Organizing the staff, defining position standards, job descriptions, arranging and transferring alternatively the human resources to meet the needs of work in accordance with the development orientation of the company.
- Preparing the plan of recruitment, training in accordance with the process, entering into association with the organizations, the universities of specialties, supplying the labour of high quality. Providing in-depth training of the knowledge in Logistics, business administration for young, prospective staffs, providing an additional reserve and successive source of staff.
- Building the company development strategy for stage of 2010-2015 and vision to 2020, in which, correct assessment should be made about the actual state, opportunity, risk challenges of the company, the immediate and long term solutions to ensure the stability and sustainability for the development of the company.

REPORT OF SUPERVISOR SECTION

Supervisor Section reports evaluates the operation situation 2009 of the Transforwarding and Warehousing Joint Stock Company for submission to the General Assembly of Shareholders (GAS) of 2010 as follows:

Pursuant to:

- The duties, authorities and responsibilities of the Supervisor Section as stipulated in Article 41 - Charter on Operation of the Transforwarding - Warehousing Joint Stock Company.
- The Resolutions of the Annual General Assembly of Shareholders 2009 on April 25, 2009.
- The Results of the Business Production Activities and financial statements 2009 of the Company as audited by the A & C Audit and Consulting Co., Ltd.

Activities Of Supervisor Section

- The Representatives of Supervisor Section have fully participated in the meetings of the Board of Directors in order to regularly maintain the supervision to the activities of the company as well as to discuss about the development orientation of the company in every point of time.
- The Representatives of the Board of Supervisors have also participated in the units, the boards on management of daily operations of the units to have accurate and regular information about the business operation of the Company.
- Supervisor Section have also regularly exchanged with each other, evaluating the activities situation of the company in order to have opinions for timely participation.
- The Board of Management have ensured to maintain regular meetings, following up closely the business situation of the units and launching timely policies to create conditions for the Board of Director to run the business in consistence with the fluctuations of the market.

Evaluation of the business operations of the company

Comparison of the implementation of the plan targets in 2009

- **Revenues:**
 - + Sales and rendering of services for the whole year 2009 are: 170.252.200.651 VND
- **Gross profit:**
 - + Gross profit from sales and services of the whole year 2009 are: 44.005.479.034 VND

The situation on investment in equipment and construction

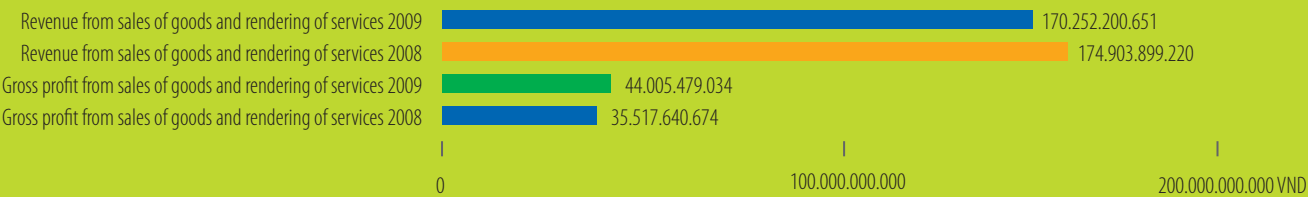
- **Increase of the fixed assets:**
 - + To further equip 63 Head Trailer and 102 chasses .
 - + To further equip with 02 specialized forklifts for warehouses.
 - + To further provide 2 RTG crane frames for lifting and lowering containers at the yards.
- **The situation on investment in capital construction:**
 - + The office building of TMS Building was completed and put into business operation
 - + The office building of the Port Warehouses Center has just been completed.
 - + The project to renovate and upgrade the Port Warehouses Center is on the way of development: Refrigerated warehouses - CFS warehouse –Cranes running rails are expected to be completed in mid 2010.

Situation on establishment of new enterprises

In order to diversify the business lines, and to expand operations, in October 2009, pursuant to resolutions of the Board of Directors in its 10th Meeting of July 27, 2009, the Company agreed to pass the establishment of the subsidiary member companies as follows:

- Establishment of The Property Transforwarding and Warehouse One-member Co., Ltd (TMS-Property) with a total chartered capital of 80 billion dong (eighty billion), with activities duration of 50 years.

Comparison of the operation results of 2008 and 2009 (already combined)



Comments

- Although 2009 was the year with lots of difficulties for most companies in Vietnam, the global economic recession had a major impact to the export enterprises and logistics enterprises but the result achieved as above cited has shown great efforts of all whole staff and employees and the dynamism of the Board of Directors and the Executive Board in the management work of 2009, with all measures having been sought to overcome difficulties to achieve the efficiency and to expand the business operation of the company.

Conclusions and proposals

In 2009 the Board of Supervisors have yet to discover any abnormal cases in the operation of TMS.

- The company has strictly complied with the operation processes in accordance with the requirements of the internal audit systems. The internal control system is good, complying with the requirements of accounting standards and the current accounting regime.
- The Board of Supervisors has basically agreed with the opinions of the audit body that the financial statements of the company have already reflected honestly and reasonably the financial status, business operation results of the company.
- In year 2009, a year in operation with lots of difficulties and full of fluctuations, the Supervisor Section have found that the company is still facing more difficulties and challenges than advantages. However, the business production activities of the company is in good development, and in trend of expansion. The Supervisor Section have assessed that this is the dynamism of the Board of Management and the Board of Director of the company.

Petition

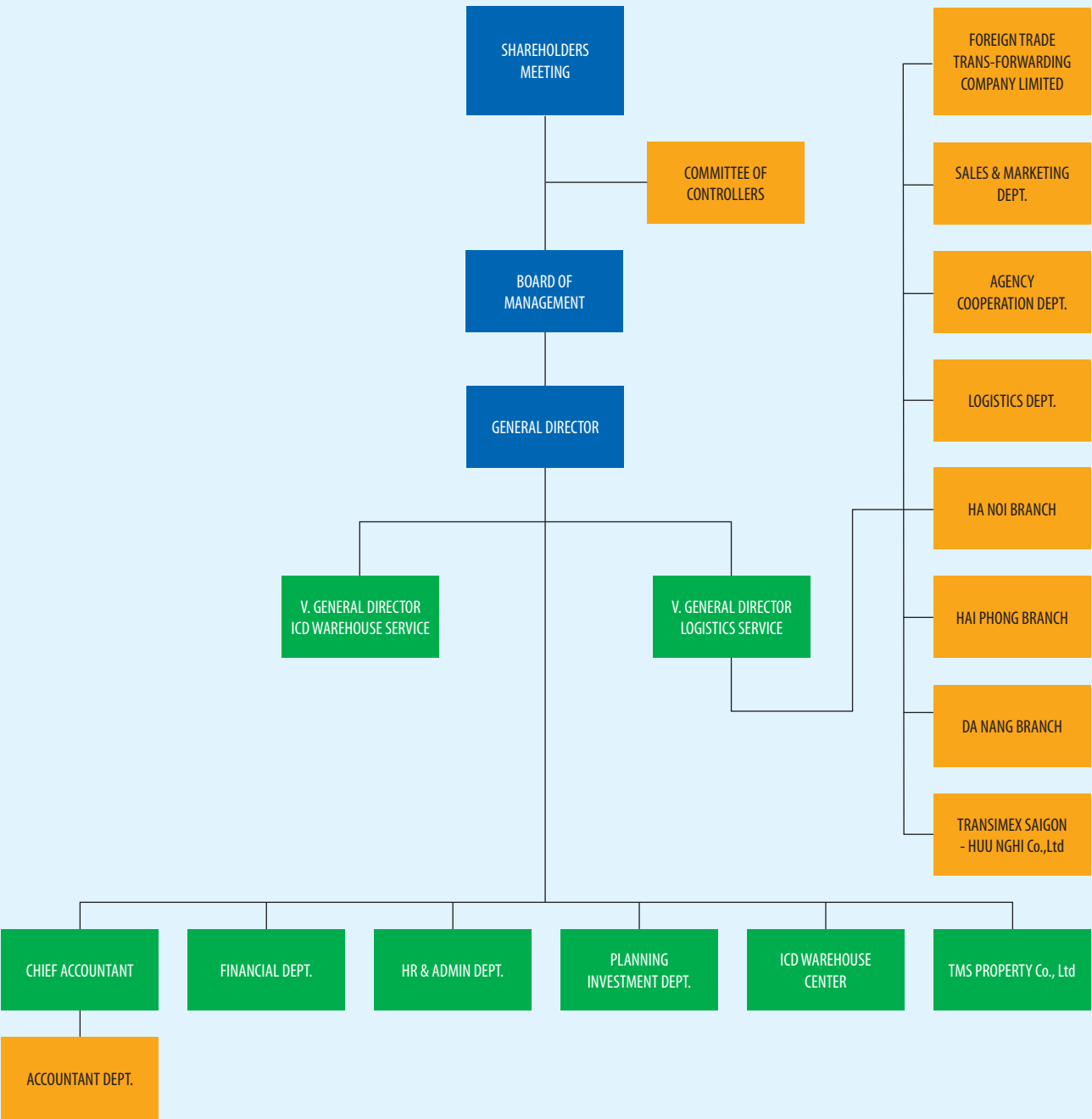
- Nowaday, our company is developing with many investment projects and working follow corporation model. Therefore, our company should have statutes, regualtions about management activities of investment projects, common regulations about capital managment and distribution among member units in the corporation.

Above is the report of the Supervisor Section for submission to the annual General Assembly of Shareholders of 2009. Our Supervisor Section would like to express our sincere thanks to the Board of Management, the Board of Director and the Sections and Departments of the Transforwarding Warehousing Corporation - HCM City for the good conditions created to the Supervisor Section to fulfill its duties in the past time.

Sincerely,

Mr Nguyen Cong Hieu - Head Of The Supervisor Section

ORGANIZATION DIAGRAM





ORGANIZATION AND PERSONNEL

TRANSIMEX-Saigon always provides the appropriate policy of training, development and appointment of staff, always creates conditions for the employees to be in close connection to their work place. In 2009, the Company has fully implemented all the policies for its employees in accordance with the provisions of the state.

Quantity of staff and employees

The quantity of personnel of TRANSIMEX- Saigon have increased in pace with the scale and growth of the company over the years. Total number of employees of TMS till December 31, 2009 are 362.

Regimes and policies for employees

In 2009, the Company has fully implemented all the policies for its employees in accordance with the provisions of the state. Specifically broken down as follows:

- Fully registering various types of insurance for employees in the company.
- Organizing periodic medical examinations to all company staff and employees.
- Offering Mid-Autumn gifts to children of the company’s employees on the occasion of International Children's Day.
- Organizing the vacation holidays for all staff, in which, the managers, employees of distinguished and high achievement performance shall be entitled to a journey or travel abroad.
- Offering gifts for the female employees on the occasion of the Vietnam Women’s Day (October 20) and on the International Women’s Day (March 08).
- Proposing the rewards for the employees on the big holidays of the year.
- Entering into cooperation with the company trade union for implementing the yearly games festival on the public holidays: April 30 and May 01.



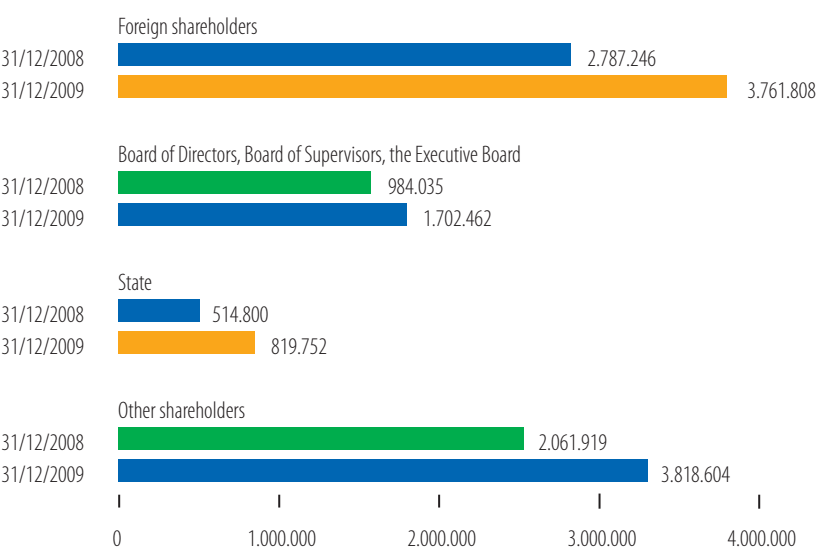


SHAREHOLDER INFORMATION

Structure of shareholders (As of December 31, 2009)

	Unit Shares
Foreign shareholders	3,761,808
Board of Directors, Board of Supervisors, the Executive Board	1,702,462
State	819,752
Other shareholders	3,818,604

Comparing the structure of shareholders 2008 & 2009 (Unit Shares)



ACTIVITIES OF SALES AND MARKETING OF THE COMPANY

The professional and effective marketing activities have created a prestigious brand name, and the brand name "TRANSIMEX-SAIGON" has been welcomed by a lot of businesses, partners at home and abroad, with absolute trust and belief in the quality of service through the activities as follows:

- The market of major services (Forwarding, Port Service, transport , oversize overweight goods, the project cargoes) of the Company shall be still maintained in stability and development.
- We always aim at improving the difference in value, quality service.
- Also, to study and develop the products according to the market demand, to forecast the development of new products.
- To expand the network of customers, partners and domestic and foreign markets, to meet many market segments to serve more customers.
- The company is ceaselessly promoting, advertising and updating the information to customers on regular basis via the website: www.transimexsaigon.com and www.vietnamshipper.com, Shipping Gazette, Vietnam Logistics Journal, Transport Yellow Page

Cooperating and associating with with shipping firms, the companies of similar trades for enhancing the ability to provide services with competitive price, and best quality.



ACTIVITIES OF THE SUBSIDIARIES & THE JOINT VENTURE COMPANIES



NIPPON EXPRESS (VIETNAM) CO., LTD

Name: NIPPON EXPRESS VIETNAM CO., LTD.

Name: NEV

Form of Joint Venture:

- The Joint Venture between TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY (TRANSIMEX-Saigon) - TMS and Nippon Express (Vietnam) Co., LTD – NEV, in which, Transimex Saigon occupies 50%, Nippon Express Co.50%.



FOREIGN TRADE TRANS FORWARDING COMPANY LIMITED

Name of owner: TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HO CHI MINH CITY

Name in transaction: TMS | TRANS

Head office: 7/1 Binh Tho Hamlet, Truong Tho Ward, Thu Duc District.

Operation: From March 18, 2009



TMS PROPERTY CO., LTD

Name of owner: TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION - HOCHIMINH CITY.

Name in transaction: TMS | BUILDING

Head office: 172 Hai Ba Trung, Dakao Ward, District 1, HCMC

Operation: Since March 2009

Lines of business: Operating the Business of real estates; Storage of goods; Sanitation to housing and construction works; Service in care and maintenance of landscapes; lease of machines; office equipment (including computers); courier services.



TRANSIMEX SAIGON – HUU NGHI CORPORATION

English Name: TRANSIMEX SAIGON – HUU NGHI CORPORATION

Head office: Lot No. D11, Dinh Tram Industrial Zone, Viet Yen district, Bac Giang province.

Lines of business: Services in forwarding and shipping agents of import and export goods, public goods by seaways, airways and roadways. Services in operating business in warehouses, maintenance of goods, packaging, marking for import and export goods and other types: bonded warehouse, warehouse for collecting, Container Freight Station (CFS), Inland Clearance Depot. Shipping Agents and goods brokerage, services in customs declaration. Services for goods in transit and transshipment of goods to Cambodia, Laos, China. Leasing office. Business in multimodal transportation. Purchase and sale of household furniture, pottery, porcelain, fine art wares, rubber products, rattan products, industrial products, textile and leather garments, agro-forestry and aquatic products, processed foods. Chartered capital: 3,000,000,000 VND.

TRANSIMEX Saigon – Huu Nghi Joint Stock Company was issued license on January 13, 2009 by the Department of Planning and Investment of Bac Giang. At present, the Company is investing in the "area for controlling import and export goods and bonded warehouses". Total investment: 6.8 billion dong.

- Project schedule: 10 months
- Commencement of construction: May 2009
- Bringing into operation: 2010

Operation Functions:

Forwarding, Import and Export Goods; Bonded warehouses; CFS Warehouse....

Business Results achieved in 2009:

- Total revenue: 424,347,653,199 VND.
- Profit before tax: 49,364,188,257 VND.

- Sources of revenue, profits and business management activities of Nippon Express Co. Ltd, are always stable and in increase as compared to the previous year. The collective of staff and employees of the company has gradually accumulated experience in management and professional activities to meet the increasing needs of customers at home and abroad.
- Currently the company is acting as the agent for more than 211 cities and 37 nations around the world.

Lines of business: Cargo transport by road; Coastal and ocean transport of cargoes; Inland Waterway Cargo Transport; Cargo Loading and Unloading; Goods storages (except for business operation in warehouses and yards); packaging service.

- Chartered capital: 16 billion dong.
- Business Results achieved in nine months of 2009: Total revenue: 11,213,521,221 VND.

- Currently, the TMS-TRANS Transport Company has been invested with more than 85 modern tractive units, nearly 200 trailers. Initially capturing a certain market share in container transport by road.
- Expected in 2010, to invest for another 60 tractive units and 200 trailers.

- Chartered capital: 80 billion VND.
- Business Results achieved in 2009: Total turnover: 10,573,588,960 VND.
- TMS Building, has a total construction area of 8500 m² (including 14 floors and 2 basements), in which, TRANSIMEX - Saigon has already used 2 storeys of the buildings as its head office, 100% of the remaining area has been leased. This is also a stable source of revenue, rather large for the company in 2009 and the years to come.

- The Real Estates Company TMS | BUILDING is currently cooperating with Norfolk company for providing and managing the office services in accordance with international standards, suitable for representative offices, businessmen, foreign groups intending to acquire immediately the working offices in Vietnam without wasting much time and expense for the lease of space floors, interior decoration...



INVESTMENT, MANAGEMENT OF SHIP FLEET

- In August 2009, to implement the strategy for developing the service of inland waterway transport, already approved by the Board of Management, TRANSIMEX Saigon has invested to buy newly build 02 container ships of S1 rating, tonnage of 2,400 tons, maximum carriage of 128 (Teus).
- At the beginning of year 2010, the ship fleet of TRANSIMEX Saigon has been officially brought into operation. TRANSIMEX-Saigon (TMS) and Saigon Maritime Joint Stock Company (SHC) will cooperate for exploiting container ships on Saigon - Cai Mep route and vice versa. Currently, each week, the two units will handle the transport of about 1,000 containers on this route.
- The ownership of the ship fleet is one of the strengths of the TMS company, providing the increasing package services of Port - Transportation - Logistics for customers.
- At present, TRANSIMEX-Saigon is preparing to initiate the services of waterway container transport under Saigon - Phnompenh - Cai Mep - Saigon route.

DEVELOPMENT STRATEGY OF TRANSIMEX-SAIGON IN THE PERIOD OF 2010 - 2015

Achieving the ratio
for increasing the rate of
profits/turnover from 10-15%/year
and raising the value of shares of
the company.



- Investment for expanding the system of inland waterway port, logistics, network of services of warehousing, transportation, forwarding of import and export goods in the Industrial Zone, Export Processing Zones, and key economic zones.
- Entering into joint venture and association with the partners for developing the trades, commerce, services at the economic centers inside and outside the country.
- Promoting the operations in financial investment, real estate.
- To maintain market and traditional customers as Japan, Europe, Asia. To continue to expand more markets in some countries such as Russia, USA, and Australia.
- Developing the advantages in technology, management, building of satellite systems and affiliates network, providing products and services for projects and works in need of technique and of large scale.
- Building and exploiting offices for rent.
- Increasing the budget for training of staff and employees to improve their expertise, foreign languages and management.
- Ensuring the capital and efficacy for the investment projects as well as the business operations of the parent company and subsidiaries.
- Achieving the ratio for increasing the rate of profits/turnover from 10-15%/year and raising the value of shares of the company.





FINANCIAL REPORT'S 2009

- » Auditor's report
- » Consolidated balance sheet ended 31/122009
- » Consolidated income statement year ended 31/122009
- » Consolidated cash flow statement ended 31/122009
- » Notes to the consolidated financial statements ended 31/122009
- » Appendix

AUDITOR'S REPORT

AUDITING AND CONSULTING CO., LTD. (A&C)



No. /2009/BCTC-KTTV
AUDITOR'S REPORT
ON THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR THE FISCAL YEAR ENDED 2009 OF TRANSFORWARDING
WAREHOUSING JOINT STOCK CORPORATION

TO: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE DIRECTORS

We have audited the accompanying consolidated financial statements for the fiscal year ended 2009 of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation (including the financial statements of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation and those of Foreign Trade Transforwarding Co., Ltd. (hereinafter referred to as "the Group")), including the consolidated balance sheet as of 31 December 2009, the consolidated income statement, the consolidated cash flow statement and the notes to the consolidated financial statements for the fiscal year then ended, which were prepared on 15 January 2010 (from page ---to page ---).

The preparation and the presentation of these financial statements are the responsibility of the company's Directors. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Audit's background

We have conducted our audit in accordance with the Vietnamese Auditing Standards. These standards require that we plan and perform the audit procedures to obtain a reasonable assurance that the consolidated financial statements are free from material mistakes. The audit is developed on the basis of our performing the sampling method as well as applying the necessary examinations and tests of evidences supporting the amounts and the disclosures in the consolidated financial statements. The audit also includes our assessing the company's compliance with the prevailing accounting standards and system, the accounting principles and methods applied, the material estimates and judgments of the General Director as well as our evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements. We believe that our audit has provided reasonable bases for our opinion.

Issues not yet agreed

In order to match its sales and expenses, Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation has allocated the commission on brokerage service for the activity of leasing the building in line with the leasing period. However, the recording of selling expenses is not in compliance with the Vietnamese accounting standards. The fact that the company has suspended an amount of VND 2.084.921.291 to allocate in the following years has made its profit increase by a corresponding amount.

Auditor's opinion

In our opinion, except for the effects (if any) of the said issue, the consolidated financial statements referred to above give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as of 31 December 2009, the business results and the cash flows for the fiscal year then ended of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation in conformity with the prevailing Vietnamese accounting standards and system as well as other related regulations.

This report is made in two languages (Vietnamese and English), both of equal validity. The Vietnamese version will be the original for reference when needed.

For and on behalf of
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD. (A&C)



Bui Van Kha - Deputy General Director
Audit Certificate No. Đ.0085 /KTV

Ho Chi Minh City, 20 March 2010

Nguyen Thi Phuoc Tien - Auditor
Audit Certificate No. 1199 /KTV

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As of 31 December 2009

UNIT: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		129.931.654.616	44.184.271.611
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	53.270.222.425	22.550.894.201
1. Cash	111		16.909.122.425	22.550.894.201
2. Cash equivalents	112		36.361.100.000	-
II. Short-term investments	120		4.091.890.067	254.655.000
1. Short-term investments	121	V.2	5.422.808.115	254.655.000
2. Provisions for devaluation of short-term investments in securities	129	V.3	(1.330.918.048)	-
III. Accounts receivable	130		57.701.980.896	11.512.909.217
1. Receivable from customers	131	V.4	11.765.005.238	8.501.033.492
2. Prepayments to suppliers	132	V.5	38.642.201.776	346.442.680
3. Short-term inter-company receivable	133		-	-
4. Receivable according to the progress of construction contracts	134		-	-
5. Other receivable	138	V.6	7.294.773.882	2.665.433.045
6. Provisions for bad debts	139		-	-
IV. Inventories	140		5.420.991.521	2.574.008.190
1. Inventories	141	V.7	5.420.991.521	2.574.008.190
2. Provisions for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		9.446.569.707	7.291.805.003
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8	3.228.098.049	1.219.530.471
2. VAT to be deducted	152		1.180.643.921	3.324.870.927
3. Taxes and other accounts receivable from the State	154	V.9	2.494.430.764	1.000.000
4. Other current assets	158	V.10	2.543.396.973	2.746.403.605
B - LONG-TERM ASSETS	200		329.293.904.529	213.892.443.939
I. Long-term accounts receivable	210		-	-
1. Long-term accounts receivable from customers	211		-	-
2. Working capital in affiliates	212		-	-
3. Long-term inter-company receivable	213		-	-
4. Other long-term receivable	218		-	-
5. Provisions for bad debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		175.257.183.534	162.460.675.033
1. Tangible assets	221	V. 11	127.438.620.111	91.234.040.352
Historical costs	222		211.640.453.790	160.419.123.251
Accumulated depreciation	223		(84.201.833.679)	(69.185.082.899)
2. Financial leasehold assets	224		-	-
Historical costs	225		-	-
Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible assets	227	V. 12	2.756.574.381	2.737.277.502
Initial costs	228		2.957.818.000	2.924.068.000
Accumulated amortization	229		(201.243.619)	(186.790.498)
4. Construction-in-progress	230	V. 13	45.061.989.042	68.489.357.179

Consolidated balance sheet

(CONT.)

UNIT: VND				
ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
III. Investment property	240	V. 14	81.926.051.184	-
Historical costs	241		84.635.063.351	-
Accumulated depreciation	242		(2.709.012.167)	-
IV. Long-term investments	250		68.246.329.111	50.741.169.973
1. Investments in affiliates	251		-	-
2. Investments in business concerns and joint ventures	252	V. 15	55.600.737.038	41.405.588.473
3. Other long-term investments	258	V. 16	12.645.592.073	9.731.915.555
4. Provisions for devaluation of long-term investments in securities	259		-	(396.334.055)
V. Other long-term assets	260		3.864.340.700	690.598.933
1. Long-term prepaid expenses	261	V. 17	589.712.098	-
2. Deferred income tax assets	262	V. 18	1.204.639.862	367.493.793
3. Other long-term assets	268	V. 19	2.069.988.740	323.105.140
VI. Goodwill	269			
TOTAL ASSETS	270		459.225.559.145	258.076.715.550
LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - LIABILITIES	300		118.014.865.774	30.715.077.301
I. Current liabilities	310		36.792.310.569	24.215.558.001
1. Short-term debts and loans	311	V.20	2.067.289.687	6.461.552.194
2. Payable to suppliers	312	V.21	3.462.600.467	2.607.327.395
3. Advances from customers	313		2.666.765.336	340.160.000
4. Taxes and other obligations to the State Budget	314	V.22	2.201.963.572	2.796.029.593
5. Payable to employees	315	V.23	4.465.150.727	5.762.127.261
6. Accrued expenses	316	V.24	4.675.136.439	1.312.477.832
7. Inter-company payable	317		-	-
8. Payable according to the progress of construction contracts	318		-	-
9. Other payable	319	V.25	17.253.404.341	4.935.883.726
10. Provisions for short-term accounts payable	320		-	-
II. Long-term liabilities	330		81.222.555.205	6.499.519.300
1. Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-
2. Long-term inter-company payable	332		-	-
3. Other long-term payable	333	V.26	6.098.953.650	35.808.800
4. Long-term debts and loans	334	V.27	75.123.601.555	6.463.710.500
5. Deferred income tax payable	335		-	-
6. Provisions for unemployment allowances	336		-	-
7. Provisions for long-term accounts payable	337		-	-

For the fiscal year ended 31 December 2009

Consolidated balance sheet

(CONT.)

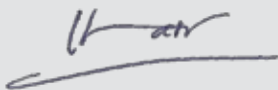
LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - Owner's equity	400		341.210.693.371	227.361.638.249
I. Owner's equity	410	V.28	337.720.284.729	222.567.307.633
1. Capital	411		101.026.260.000	63.480.000.000
2. Share premiums	412		116.370.057.853	73.135.477.853
3. Other sources of capital	413		-	-
4. Treasury stocks	414		-	-
5. Differences on asset revaluation	415		-	-
6. Foreign exchange differences	416		636.551.750	-
7. Business promotion fund	417		25.779.432.873	22.277.999.640
8. Financial reserved fund	418		6.854.303.520	5.687.159.109
9. Other funds	419		-	-
10. Retained earnings	420		87.053.678.733	57.986.671.031
11. Construction investment fund	421		-	-
II. Other sources and funds	420		3.490.408.642	4.794.330.616
1. Bonus and welfare funds	421	V.29	3.490.408.642	4.794.330.616
2. Sources of expenditure	422		-	-
3. Fund to form fixed assets	423		-	-
C - INTEREST OF MINORITY SHAREHOLDERS	439		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		459.225.559.145	258.076.715.550

For the fiscal year ended 31 December 2009

Off-consolidated balance sheet items

ITEMS	Note	Ending balance	Beginning balance
1. Leasehold assets		-	-
2. Materials and goods kept or processed for others		-	-
3. Goods deposited by others		-	-
3. Bad debts already treated		-	-
4. Foreign currencies: (USD)		236.480,60	504.089,79
5. Estimates for non-business and project expenditure		-	-

Ho Chi Minh City, 15 January 2010



Nguyen Quoc Thinh
Preparer



Hoang Cong Phuoc
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT YEAR ENDED 2009

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Sales	01	VI.1	170.252.200.651	174.903.899.220
2. Deductions	03		-	61.020.382
3. Net sales	10	VI.1	170.252.200.651	174.842.878.838
4. Costs of goods sold	11	VI.2	133.339.360.097	139.207.460.303
5. Gross profit	20		36.912.840.554	35.635.418.535
6. Financial income	21	VI.3	4.086.598.540	14.751.230.498
7. Financial expenses	22	VI.4	2.683.811.513	1.886.845.410
In which: Loan interest expenses	23		1.079.371.808	1.421.850.938
8. Selling expenses	24	VI.5	680.486.698	242.363.338
9. Administrative overheads	25	VI.6	11.356.610.128	13.719.504.611
10. Net operating profit	30		26.278.530.755	34.537.935.674
11. Other income	31	VI.7	396.821.016	1.026.530.783
12. Other expenses	32	VI.8	941.853.476	46.825.783
13. Other profit/(loss)	40		(545.032.460)	979.705.000
14. Profit in business concerns and joint ventures	45	VI.9	18.271.980.739	-
15. Total accounting profit before tax	50		44.005.479.034	35.517.640.674
16. Current corporate income tax	51	V.22	7.377.606.525	8.323.499.302
17. Deferred corporate income tax	52	V.10	(837.146.069)	(182.360.878)
18. Profit after tax	60		37.465.018.578	27.376.502.250
18.1. Interest of minority shareholders	61		-	-
18.2. Profit after tax of parent company's shareholders	62		37.465.018.578	27.376.502.250
19. Earning per share	70	VI.10	4.811	4.313

Ho Chi Minh City, 15 January 2010

Nguyen Quoc Thinh
Preparer

Hoang Cong Phuoc
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

For the fiscal year ended 31 December 2009

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

Indirect method Year ended 2009

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		44.005.479.034	35.517.640.674
2. Adjustments				
Depreciation of fixed assets	02	V.11,12,14	19.747.857.310	15.847.242.192
Provisions	03	VI.4	1.330.918.048	396.334.055
Gain/ (loss) from foreign exchange differences	04		636.551.750	(405.830.082)
Gain/ (loss) from investing activities	05		(16.087.630.870)	(40.181.818)
Loan interest expenses	06	VI.4	1.079.371.808	1.421.850.938
3. Operating profit before changes of working capital	08		50.712.547.080	52.737.055.959
Increase/ (decrease) of accounts receivable	09		(49.412.980.453)	(572.013.519)
Increase/ (decrease) of inventories	10		(2.846.983.331)	(472.187.405)
Increase/ (decrease) of accounts payable	11		24.144.628.908	(5.477.551.086)
Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		(2.598.279.676)	2.372.013.361
Loan interests already paid	13		(1.079.371.808)	(1.421.850.938)
Corporate income tax already paid	14	V.23	(7.850.675.508)	(7.040.206.634)
Other gains	15		632.200.000	-
Other disbursements	16		(5.033.445.206)	(3.280.181.201)
Net cash flows from operating activities	20		6.667.640.006	36.845.078.537
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21	V.11,12,13,14	(115.322.903.234)	(69.341.347.473)
2. Gains from disposals and liquidation of fixed assets and other long-term assets	22		136.458.702	40.181.818
3. Loans given and purchases of debt instruments of other entities	23		265.051.067	-
4. Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments into other entities	25		(7.412.296.707)	(14.337.115.555)
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	57.847.391.400
7. Receipts of loan interests, dividends and profit shared	27		2.608.509.842	-
Net cash flows from investing activities	30		(119.725.180.330)	(25.790.889.810)

For the fiscal year ended 31 December 2009

Consolidated cash flow statement

(CONT.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year (*)
III. Cash flows from financing activities				
1. Gains from stock issuance and capital contributions from shareholders	31	V.28	80.780.840.000	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Short-term and long-term loans received	33	V.20. 27	94.918.890.062	3.229.552.194
4. Loan principal amounts repaid	34	V.20. 27	(30.653.261.514)	3.232.000.000)
5. Payments for financial leasehold assets	35		-	-
6. Dividends and profit already paid to the owners	36		(1.269.600.000)	(9.522.000.000)
7. Dividends and profit already paid to minority shareholders			-	-
Net cash flows from financing activities	40		143.776.868.548	(9.524.447.806)
Net cash flows during the year	50		30.719.328.224	1.529.740.921
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	22.550.894.201	21.021.153.280
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	53.270.222.425	22.550.894.201

Ho Chi Minh City, 15 January 2010

Nguyen Quoc Thinh
Preparer

Hoang Cong Phuoc
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

For the fiscal year ended 31 December 2009

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS 2009

The consolidated financial statements of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation for the fiscal year ended 31 December 2009 include the financial statements of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation and those of Foreign Trade Transforwarding Co., Ltd. (hereinafter referred to as “the Group”).

I. OPERATION FEATURES OF THE GROUP

1. Investment form : A joint stock company.

2. Operatig field : Maritime service, general trading, and transportation.

3. Main operations

- Acting as agent to provide services of forwarding and transporting goods for import and export as well as for public interests by sea, by air and by road.
- Providing services of bonded warehouses, CFS, and ICD.
- Providing services on warehousing, loading and storing imports and exports in transit.
- Providing goods collecting and delivering services and customs clearance services.
- Acting as a shipping agent and maritime broker for ships both in and out of the country.
- Trading goods in transit and transporting goods to Cambodia, Laos and China.
- Providing services of goods packing and marking for local and overseas manufacturers.
- Trading household wooden products; porcelains, fine arts; rubber products; rattan, bamboo and leafy products; industrial products, textile and leather products; agricultural, forestry and aquatic products; processed foodstuff; chemicals, materials, supplies, machinery and equipment serving the industrial and agricultural productions; groceries; electrical and mechanic appliances; fabric, industrial foodstuff; construction materials and interior decorations; transportations, motorbikes; agricultural and fishery tools, agricultural medicine of all kinds and office machines.
- Trading fuel, oil, gas and lubricants.
- Providing multi-model transportation services.
- Providing office leasing service.
- Repairing machinery, equipment (not recycling wastes, electroplating, mechanical processing at the head office).
- Providing receipt and delivery service
- Acting as tourist agency.

4. Number of subsidiaries : 01
Number of business concerns : 01

5. List of key subsidiaries to be consolidated

Subsidiaries	Addresses	Benefit rate	Voting right
Foreign Trade Transforwarding Co., Ltd.	7/1 Binh Tho Hamlet, Truong Tho Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City	100%	100%

6. List of key business concerns and joint ventures to be consolidated

Bussiness concerns & joint ventures	Addresses	Benefit rate	Voting right
Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd.	364 Cong Hoa, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City	50%	50%

II. FISCAL YEAR AND STANDARD CURRENTCY USED IN ACCOUNTING

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 01 January to 31 December annually.

2. Standard currency unit used in accounting

The standard currency unit used is Vietnam Dong (VND).

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting system

The consolidated financial statements have been prepared and presented in accordance with the Vietnamese accounting system and standards.

2. Statement on the compliance with the accounting system and standards

The Directors of the parent company ensure to follow all the requirements of the prevailing Vietnamese accounting system and standards in the preparation of these consolidated financial statements.

3. Accounting form: Voucher recording.

IV. ACCOUNTING SYSTEM

1. Accounting convention: All the consolidated financial statements are prepared in accordance with the historical cost convention.

2. Consolidation bases

Subsidiaries

A subsidiary is an enterprise that is controlled by the parent company. The control exists when the parent company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the options that are currently valid or will be transferred should also be taken into consideration.

The business results of a subsidiary are included in the consolidated financial statements from the date of acquisition, which is the date on which the control of the acquired subsidiary is effectively transferred to the buyer. The business results of a subsidiary disposed are included in the consolidated income statement until the date of disposal.

The difference between the investment expenses and the ownership share of the Group in the fair value of the net recognizable assets of the subsidiary as of the acquisition date is recorded as goodwill.

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized profits resulting from these transactions are eliminated when the consolidated financial statements are prepared. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs cannot be recovered.

Business concerns

Business concerns are those in which the Group has significant effects on but not having the control for their financial policies and operations. The consolidated financial statements include profit or loss of the Group in business concerns in accordance with the method of owner's equity from the date of having the effects. If the benefit of the Group in the business concern's loss is larger than or as equal as the book value of investing expenses, the investing expenses presented in the consolidated financial statements will be zero unless the Group has the obligations to settle for business concerns.

Business results, assets and liabilities of associates are included in the consolidated financial statements in accordance with the owner's equity method. Investments in business concerns are presented in the consolidated financial statements basing on the initial investing expenses and can be adjusted for changes in the benefit per net assets of business concerns. The difference between the investment expenses and the ownership share of the Group in the fair value of the net recognizable assets of the business concern as of the acquisition date is recorded as goodwill.

3. Investments in securities and other investments

Investments in securities and other investments are recorded at the actual purchasing price less the appropriate provisional amount. Provision is made for the devaluation of investments applied to the difference on actual purchasing price, which is higher than the price in the market at the year end.

4. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents include cash on hand, cash in bank, cash in transit and short-term investments of which the due dates cannot exceed 3 months from the dates of the investments and the convertibility into cash is easy, and which do not have a lot of risks in the conversion into cash.

5. Inventories

Inventories are recorded at their original costs. Costs include purchasing expenses, processing expenses and other directly related costs to bring the inventories to the current positions and conditions.

Costs of inventories are determined in accordance with the weighted average method and are recorded in line with the perpetual method.

Provisions for devaluation of inventories are recognized when the original costs are higher than the net realizable values. Net realizable values are estimated selling prices of inventories less estimated expenses on product completion and other necessary expenses on product consumption.

6. Trade receivable and other receivable

Trade receivable and other receivable are recognized at the values on supporting documents and invoices.

7. Tangible fixed assets

Fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of fixed assets include all the expenses of the company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition are included in historical costs of fixed assets only if they certainly bring more economic benefits in the future thanks to the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into expenses during the period.

When a fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/ (loss) arisen are posted into the income or the expenses during the period. Fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives.

The depreciation years applied are as follows:

Fixed assets	Years
Buildings and structures	25 - 50
Vehicles	6 - 10
Office equipment	5 - 10
Other fixed assets	5

8. Investment property

Investment property is property being land use right, a building or a part of building, infrastructure held by the owner or by the lessee under a financial lease to earn rental or for capital appreciation. Historical cost of investment property includes all the expenses paid by the company or the fair value of other consideration given to acquire the assets at the time of its acquisition or construction.

Subsequent expenses relating to an investment property that have already been recognized should be added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the company.

When the investment property is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain/ (loss) arisen are posted into the income or the expenses during the period.

Investment properties are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are 50 years.

9. Intangible fixed assets

Land use right

Land use right includes all the actual expenses related to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for house removal and land clearance, expenses on ground leveling, registration fees, etc. Since the land use right is permanent, it is not amortized.

Computer software

Computer software includes all the expenses paid until the date the software is put into use. Computer software is amortized in 5 years.

10. Borrowing costs

Borrowing costs are included into expenses during the period. In case the borrowing costs are directly related to the construction or the production of an asset in progress, which has taken a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be capitalized.

11. Accrued expenses

Accrued expenses are recorded, based on reasonable estimates on the amounts payable for goods and services already used during the period.

12. Capital – Funds

The source of the capital of the Group includes: the capital recorded according to the actual amount invested by shareholders and share premiums which are the positive difference between the issuance price and the face value.

- Prescribed capital : 101.026.260.000 VND
- Share premiums : 116.370.057.853 VND

Funds are extracted and used in line with the Charter of each company.

13. Dividends

Dividends are recorded as an amount payable in the period during which the dividends are disclosed.

14. Corporate income tax

The companies in the Group are responsible to pay corporate income tax at the rate of 25% on taxable income. Corporate income tax during the period includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income during the period at the tax rates applied as of the balance sheet date. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures as well as those of non-taxable or non-deductible income and expenses.

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the financial statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Book values of deferred corporate income tax assets are considered at the balance sheet dates and will be reduced to the rates that ensure enough taxable income against which the benefits from a part of or all of the deferred income tax can be used.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rates to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the income statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity of the company.

15. Foreign currency translation

The transactions in foreign currencies during the year are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The differences on foreign exchange are included in income or expenses during the year.

The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date. The treatments of the differences on foreign exchange due to the revaluation of the ending balances are done in accordance with the guidance in the Circular 201/2009/TT-BTC dated 15 October 2009 of the Ministry of Finance as follows:

- Difference on foreign exchange due to the revaluation of ending balances of cash and current liabilities in foreign currencies is reflected in the balance sheet (i.e. in the item "Foreign exchange differences"), and then an reverse entry will be made to write off the balance in the beginning of the following year.

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

- Difference on foreign exchanges due to revaluation of long-term liabilities in foreign currencies at the year end is included in income or expenses during the year. However, if the recording of differences on foreign exchange relating to long-term liabilities payable causes a loss, a part of differences on foreign exchange will be allocated in the following year so that the company will not suffer from loss, but the foreign exchange loss included in the expenses during the year must be at least equal to the foreign exchange difference of the long-term balances in foreign currencies payable during that year. The remaining foreign exchange loss will be allocated into expenses of following years for the maximum period of 5 years.

The exchange rates used as of:

- 31/12/2008 :16.977 VND/USD
- 1/12/2009 :17.941 VND/USD

16. Recognition of sales

Sales of finished goods are recognized when most of risks and benefits associated with the goods ownership are transferred to customers and there are no uncertain factors related to payments, additional costs or sales returns.

Sales of service provision are recognized when there are no uncertain factors related to payments or additional costs. In case that the services are to be provided in many accounting periods, the determination of sales in each period is done on the basis of the service completion rate as of the balance sheet date. Interests are recorded, based on the term and the interest rates applied for each period.

17. Related parties

A party is considered a related party of the company in case that party is able to control the company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the company. The transactions during the year with the related parties are presented in Note VIII.1.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	344.854.937	338.802.063
Cash in bank	16.464.267.488	22.212.092.138
Cash in transit	100.000.000	-
Cash equivalents	36.361.100.000	-
Total	53.270.222.425	22.550.894.201

2. Short-term investments

	Ending balance	Beginning balance
Stocks	5.157.757.048	-
Under-1-year deposit	265.051.067	254.655.000
Total	5.422.808.115	254.655.000

3. Provision for devaluation of short-term investments

Provision for devaluation of short-term investments in securities.

4. Receivable from customers

	Ending balance	Beginning balance
Receivable for forwarding service	5.255.717.131	3.786.728.136
Receivable for warehousing and transporting service (ICD)	6.066.973.587	4.714.305.356
Receivable for leasing the building	442.314.520	-
Total	11.765.005.238	8.501.033.492

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

5. Prepayment to suppliers: Prepayment to suppliers of construction contracts

6. Other receivable

	Ending balance	Beginning balance
Freights collected on others' behalf	-	87.626.455
Receivable for amounts paid on others' behalf	7.043.315.934	1.475.402.111
Others	251.457.948	1.102.404.479
Total	7.294.773.882	2.665.433.045

7. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Materials and supplies	2.536.295.190	225.483.795
Spare parts	27.669.326	1.546.533.342
Work-in-process	2.857.027.005	801.991.053
Total	5.420.991.521	2.574.008.190

8. Short-term prepaid expenses

	Beginning balance	Increases	Allocation	Ending balance
Insurance premiums	247.776.943	418.343.564	(370.613.469)	295.507.038
Tools	-	1.216.381.860	(967.912.148)	248.469.712
Office and warehouse rental	358.275.000	846.518.814	(1.098.970.382)	105.823.432
Building management fee		3.050.958.564	(966.037.273)	2.084.921.291
Others	613.478.528	1.095.368.432	(1.215.470.384)	493.376.576
Total	1.219.530.471	6.627.571.234	(4.619.003.656)	3.228.098.049

9. Taxes and other accounts receivable from State: Corporate income tax excessively paid.

10. Other current assets

	Ending balance	Beginning balance
Advances	2.231.965.145	1.842.000.260
Short-term deposits and mortgages	31.009.406	623.980.923
Deficit assets for treatment	280.422.422	280.422.422
Total	2.543.396.973	2.746.403.605

11. Increases/(decreases) of tangible fixed assets

	Buildings & structures	Machinery & equipment	Vehicles	Office equipment	Other fixed assets	Total
Historical costs						
Beginning balance	61.831.459.936	-	91.791.666.572	6.230.389.483	565.607.260	160.419.123.251
Increases due to new purchases	54.737.273	133.333.333	53.131.239.519	762.147.895	-	54.081.458.020
Disposal and liquidation	(1.785.851.455)	-	(988.264.276)	(86.011.750)	-	(2.860.127.481)
Ending balance	60.100.345.754	133.333.333	143.934.641.815	6.906.525.628	565.607.260	211.640.453.790
In which:						
Assets being fully depreciated but still being in use	127.642.614	-	3.048.883.227	1.629.269.173	565.607.260	5.371.402.274

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

	Buildings & structures	Machinery & equipment	Vehicles	Office equipment	Other fixed assets	Total
Depreciation						
Beginning balance	22.846.817.295	-	41.974.251.477	3.798.406.867	565.607.260	69.185.082.899
Depreciation	4.492.969.921	-	11.477.647.611	1.053.774.490	-	17.024.392.022
Disposal and liquidation	(889.807.459)	-	(1.031.822.033)	(86.011.750)	-	(2.007.641.242)
Ending balance	26.449.979.757	-	52.420.077.055	4.766.169.607	565.607.260	84.201.833.679
Net book values						
Beginning balance	38.984.642.641	-	49.817.415.095	2.431.982.616	-	91.234.040.352
Ending balance	33.650.365.997	133.333.333	91.514.564.760	2.140.356.021	-	127.438.620.111
In which:						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

12. Increases/ (decreases) of intangible fixed assets

	Land use right	Copy right and patent	Computer software	Total
Initial cost				
Beginning balance	2.708.840.000	32.500.000	182.728.000	2.924.068.000
Purchases during the year	-	-	33.750.000	33.750.000
Ending balance	2.708.840.000	32.500.000	216.478.000	2.957.818.000
In which:				
Assets being fully amortized but still in use	-	-	-	-
Amortization				
Beginning balance	-	4.062.498	182.728.000	186.790.498
Amortization	-	4.062.498	10.390.623	14.453.121
Ending balance	-	8.124.996	193.118.623	201.243.619
Net book values				
Beginning balance	2.708.840.000	28.437.502	-	2.737.277.502
Ending balance	2.708.840.000	24.375.004	23.359.377	2.756.574.381
In which:				
Assets temporarily not in use	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-

13. Construction-in-progress

	Beginning balance	Increases	Inclusion in fixed assets	Ending balance
Acquisition of fixed assets	4.886.967.000	58.073.126.982	(28.567.946.223)	34.392.147.759
Construction-in-progress	63.557.615.179	31.623.891.274	(84.635.063.351)	10.546.443.102
Office building at 172 Hai Ba Trung	63.557.615.179	21.077.448.172	(84.635.063.351)	-
Upgrading ICD	-	10.546.443.102	-	10.546.443.102
Large repairing expenses	44.775.000	78.623.181	-	123.398.181
Total	68.489.357.179	89.775.641.437	(113.203.009.574)	45.061.989.042

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

14. Investment properties

	Buildings & structures
Historical costs	
Beginning balance	-
Increases	84.635.063.351
Ending balance	84.635.063.351
Depreciation	
Beginning balance	-
Increases	2.709.012.167
Ending balance	2.709.012.167
Net book values	
Beginning balance	-
Ending balance	81.926.051.184

Investment properties include some properties released to the third party. Income and expenses relating to leasing investment properties are as follows:

	Current year
Income from leasing activities	10.579.770.780
Direct expenses related to income from leasing activities	6.463.285.645
Direct expenses not related to income from leasing activities	-

As of 31 December 2009, the company is unable to determine the fair value of those investment properties.

15. Investments in business concerns and joint ventures

This item reflects the investment in Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd. The amount invested by the company occupies 50% of the legal capital of Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd., i.e. VND 19.200.000.000 equivalent to USD 1.200.000. Besides the initial share capital of VND 4.944.800.000, the increased capital is supplemented from the available business promotion fund of Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd. Details are as follows:

Share capital	9.600.000.000
Profit in the business concerns	46.000.737.038
Ending balance	55.600.737.038

16. Other long-term investments

	Ending balance	Beginning balance
Investments in stocks	12.225.592.073	9.731.915.555
Other long-term investments	420.000.000	-
Total	12.645.592.073	9.731.915.555

17. Long-term prepaid expenses

	Beginning balance	Increases	Allocation	Ending balance
Repairing Hoang Huu Nam garage	-	356.398.466	(135.770.848)	220.627.618
Purchasing Golf membership card.	-	369.084.480	-	369.084.480
Total	-	725.482.946	(135.770.848)	589.712.098

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

18. Deferred income tax assets

Deferred income tax assets are those relating to the accruals of accrued expenses. Details are as follows:

Beginning balance	367.493.793
Increases	1.204.639.862
Reversal	(367.493.793)
Ending balance	1.204.639.862

19. Other long-term assets

Long-term deposits.

20. Short-term debts and loans

	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans from banks ^(a)	2.067.289.687	3.229.552.194
Current portion of long-term loans	-	3.232.000.000
Total	2.067.289.687	6.461.552.194

^(a) The loan from Vietcombank – Ho Chi Minh City Branch is to supplement the company's working capital. This is a trust receipt loan.

Details of loans are as follows:

	Beginning balance	Increases	Amount recorded	Amount already repaid	Ending balance
Short-term loans from banks	3.229.552.194	11.730.918.015	-	(12.893.180.522)	2.067.289.687
Current portion of long-term loans	3.232.000.000	-	6.463.710.500	(9.695.710.500)	-
Total	6.461.552.194	11.730.918.015	6.463.710.500	(22.588.891.022)	2.067.289.687

21. Payable to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Service provision	2.085.900.467	1.381.225.885
Purchases of fixed assets	1.376.700.000	1.226.101.510
Total	3.462.600.467	2.607.327.395

22. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance	Amount payable	Amount already paid	Ending balance
VAT on local sales	-	234.244.455	(221.538.383)	12.706.072
Import-export duties		733.783.527	(733.783.527)	-
Corporate income tax	2.584.598.258	7.377.606.525	(7.850.675.508)	2.111.529.275
Personal income tax	211.431.335	845.188.609	(978.891.719)	77.728.225
Property tax	-	567.266.860	(567.266.860)	-
Other taxes	-	135.894.032	(135.894.032)	-
Total	2.796.029.593	9.893.984.008	(10.488.050.029)	2.201.963.572

Value added tax (VAT)

The Group has paid VAT in accordance with the deduction method. The tax rates applied are as follows:

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

Forwarding service provided to customers in export-processing zones	0%
Transporting and loading services	5%
Forwarding service provided locally and building leasing	10%

Corporate income tax: See Note IV.14.

Other taxes: The company has declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations.

23. Payable to employees

Salary to be paid to employees.

24. Accrued expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for forwarding service	3.695.725.681	312.477.832
Expenses for loading and unloading service	-	1.000.000.000
Expenses on leasing the building	979.410.758	-
Total	4.675.136.439	1.312.477.832

25. Other payable

	Ending balance	Beginning balance
Trade Union's expenditure	273.155.506	315.801.377
Health insurance	8.296.325	-
Social insurance	80.787.194	-
Unemployment allowances	2.365.423	-
Short-term deposits and mortgages	631.694.684	-
Payable for purchasing stocks	6.715.305.000	-
Dividends payable	-	1.269.600.000
Payable for amount collected on others' behalf	-	3.322.546.805
Others	9.541.800.209	27.935.544
Total	17.253.404.341	4.935.883.726

26. Other long-term accounts payable: Long-term deposits.

27. Long-term debts and loans

	Ending balance	Beginning balance
Short-term loans from banks		
Maritime Bank (a)	32.619.413.800	6.463.710.500
An Binh Bank (b)	14.433.980.000	-
Military Bank (c)	14.993.389.455	-
Vietcombank (d)	13.076.818.300	-
Total	75.123.601.555	6.463.710.500

(a) The loan from Maritime Bank is to purchase fixed assets. The loan is secured by mortgaging the assets formed from the loan.

(b) The loan from An Binh Bank is to purchase fixed assets. The loan is secured by mortgaging the assets formed from the loan.

(c) The loan from Military Bank is to upgrade fixed assets. The loan is secured by mortgaging the assets formed from the loan.

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

(d) The loan from Vietcombank is to purchase fixed assets. The loan is secured by mortgaging the assets formed from the loan.

Details of loans are as follows:

Beginning balance	6.463.710.500
Increases	83.187.972.047
Amount already repaid	(8.064.370.492)
Amount recorded	(6.463.710.500)
Ending balance	75.123.601.555

28. Owner's equity

Statement on fluctuations in owner's equity (see Note 1)

Shares	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	10.102.626	6.348.000
Number of shares already sold to the public	10.102.626	6.348.000
+ Common shares	10.102.626	6.348.000
+ Preferred shares	-	-
Number of shares re-purchased	-	-
+ Common shares	-	-
+ Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	10.102.626	6.348.000
+ Common shares	10.102.626	6.348.000
+ Preferred shares	-	-
Face value per outstanding share: VND 10.000.		

29. Bonus and welfare funds

	Beginning balance	Extraction for funds	Disbursement	Ending balance
Bonus fund	3.862.086.849	2.095.521.058	(3.979.572.088)	1.978.035.819
Welfare fund	601.544.601	933.715.528	(421.660.267)	1.113.599.862
Fund for the Board of Management	330.699.166	700.286.646	(632.212.851)	398.772.961
Total	4.794.330.616	3.729.523.232	(5.033.445.206)	3.490.408.642

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

1. Sales

	Current year	Previous year
Gross sales	170.252.200.651	174.903.899.220
Deductions:	-	(61.020.382)
Net sales	170.252.200.651	174.842.878.838
In which:		
Forwarding service	70.373.908.078	72.986.715.647
Warehousing service	89.298.521.793	101.856.163.191
Leasing properties service	10.579.770.780	-

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

2. Costs of goods sold

	Current year	Previous year
Costs of forwarding service	58.373.798.919	59.579.903.575
Costs of services of the ICD	68.502.275.533	79.627.556.728
Costs of leasing properties	6.463.285.645	-
Total	133.339.360.097	139.207.460.303

3. Financial income

	Current year	Previous year
Interest on time deposit	2.608.509.842	6.901.909.873
Interest on demand deposit	452.051.177	-
Realized exchange gains	420.771.651	729.506.855
Others	605.265.870	7.119.813.770
Total	4.086.598.540	14.751.230.498

4. Financial expenses

	Current year	Previous year
Loan interest expenses	1.079.371.808	1.421.850.938
Realized exchange loss	273.521.657	68.660.417
Provision for devaluation of securities	1.330.918.048	396.334.055
Total	2.683.811.513	1.886.845.410

5. Selling expenses

	Current year	Previous year
Expenses for employees	588.252.666	207.547.229
Materials and supplies	8.388.760	20.032.373
External service rendered	67.655.910	13.796.464
Others	16.189.362	987.272
Total	680.486.698	242.363.338

6. Administrative overheads

	Current year	Previous year
Expenses for employees	6.054.583.829	8.081.169.053
Materials and supplies	566.254.589	581.979.176
Depreciation of fixed assets	757.341.311	562.323.236
External service rendered	3.338.095.410	2.528.760.273
Others	640.334.989	1.965.272.873
Total	11.356.610.128	13.719.504.611

7. Other income

	Current year	Previous year
Gains from liquidation and disposals of fixed assets	136.458.702	40.181.818
Gains from liquidation of scraps	211.360.173	53.115.455
Others	49.002.141	933.233.510
Total	396.821.016	1.026.530.783

Notes to the consolidated financial statements 2009

(CONT.)

8. Other expenses

	Current year	Previous year
Net book values of liquidated fixed assets	852.486.239	-
Fines for contract violation	71.630.000	22.015.585
Others	17.737.237	24.810.198
Total	941.853.476	46.825.783

9. Profit/(loss) in business concerns and joint ventures

Profit is estimated at the rate of 50% of the profit of Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd.

10. Deferred corporate income tax

Deferred income tax are those generated from the differences due to the accrual of expenses on forwarding and repairing to be deducted.

11. Earning per share

	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax	37.465.018.578	27.376.502.250
Profit attributable to ordinary equity holders	37.465.018.578	27.376.502.250
Average ordinary shares outstanding during the year	7.788.173	6.348.000
Earning per share	4.811	4.313

Average ordinary shares outstanding during the year are calculated as follows:

	Current year	Previous year
Ordinary shares outstanding at the beginning of the year	6.348.000	6.348.000
Effects of ordinary shares issued on 2 June 2009	956.006	-
Effects of ordinary shares issued on 7 October 2009	484.167	-
Average ordinary shares outstanding during the year	7.788.173	6.348.000

12. Operating expenses

	Current year	Previous year
Materials and supplies	9.974.609.852	14.607.799.206
Labor	37.870.557.117	44.861.254.989
Depreciation of fixed assets	19.747.857.310	15.847.242.192
External service rendered	77.435.274.631	75.110.381.158
Other expenses	3.023.168.219	2.742.650.707
Total	148.051.467.129	153.169.328.252

VII. OTHER INFORMATION

1. Transactions with related parties

Transactions with key managers and related individuals.

Income of key managers is as follows:

	Current year	Previous year
Salary	3.644.695.429	3.169.300.373
Social insurance, health insurance	50.764.023	46.149.112
Allowances	42.551.116	38.682.833
Bonus	23.210.000	21.100.000
Remuneration	243.100.000	221.000.000
Total	4.004.320.568	3.496.232.318

2. Chages in the accounting policies

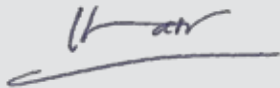
In 2009, the company has changed the accounting policies regarding the treatment of differences on foreign exchange due to the revaluation of balances of monetary items in foreign currencies according to the guidance of the Circular 201/2009/TT-BTC dated 15 October 2009 of the Ministry of Finance. According to which, the difference on foreign exchange rate due to the revaluation of ending cash balance and current liabilities in foreign currency of totally VND 636.551.750 is reflected in the balance sheet (i.e. in the item "difference on foreign exchange") instead of being included into income or expenses as the company did in the previous years.

On 31 December 2009, the Ministry of Finance issued the Circular No. 244/2009/TT-BTC regarding the guidance on the amendment and supplementation of accounting system on currency unit used in accounting, the guidance on the implementation of accounting system applied to foreign contractors, and the guidance on the amendment and supplementation of accounting methods for some transactions. The company will apply these regulations in the preparation and presentation of the financials statements from the year ended 2010 onwards.

3. Comparative figures

Beginning balance in the consolidated financial statements only include figures of Transforwarding Warehousing Joint Stock Corporation since this is the first year the company performing the consolidation of financial statements.

Ho Chi Minh City, 15 January 2010



Nguyen Quoc Thinh
Preparer



Hoang Cong Phuoc
Chief Accountant



Le Duy Hiep
General Director

APPENDIX 1: STATEMENT ON FLUCTUATIONS IN OWNER'S EQUITY

UNIT: VND						
	Capital	Share premiums	Differences on foreign exchange rate	Business promotion fund	Financial reserved fund	Retained earning
						Total
Beginning balance of the previous year	63.480.000.000	73.135.477.853	-	18.232.398.815	4.338.625.501	17.766.315.567
Profit in the previous year	-	-	-	-	-	59.182.090.723
Extraction for funds during the year	-	-	-	4.045.600.825	1.348.533.608	(9.439.735.259)
Dividends distribution in the previous	-	-	-	-	-	(9.522.000.000)
...	-	-	-	-	-	-
Ending balance of the previous year	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.277.999.640	5.687.159.109	57.986.671.031
Beginning balance of the current year	63.480.000.000	73.135.477.853	-	22.277.999.640	5.687.159.109	57.986.671.031
Capital increased during the year	37.546.260.000	43.234.580.000	-	-	-	-
Profit during the year	-	-	-	-	-	37.465.018.578
Extraction for funds during the year	-	-	-	3.501.433.233	1.167.144.411	(8.398.010.876)
Difference on foreign exchange rates due to the revaluation of ending balances	-	-	636.551.750	-	-	-
Ending balance of the current year	101.026.260.000	116.370.057.853	636.551.750	25.779.432.873	6.854.303.520	87.053.678.733
						337.720.284.729



Nguyen Quoc Thinh
Preparer

Hoang Cong Phuoc
Chief Accountant

Le Duy Hiep
General Director

THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRANSIMEX - SAIGON

Lầu 9 - 10, TMS|Building, 172 Hai Bà Trưng,
P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.
Tel : (84-8) 2220 2888
Fax : (84-8) 2220 2889
Email : info@transimexsaigon.com

ICD TRANSIMEX

Km 7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ,
Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel : (84-8) 3731 3302 - 3731 1528
Fax : (84-8) 3731 3079 - 3897 8335
Email : icd.info@transimexsaigon.com

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công Ty Kiểm Toán & Tư Vấn (A & C)

229 Đồng Khởi, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel : (84-8) 3827 2295/96
Fax : (84-8) 3827 2300

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Đồng Nai

Khu Công Nghiệp Argtex, P. Long Bình, TP. Biên
Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại : (84-61) 629 3458
Fax : (84-61) 629 3485
Email : dno.info@transimexsaigon.com

Bình Dương

Số 02-03 tại Khu dịch vụ VSIP Số 2, đường số 3,
KCN Việt Nam - Singapore, H. Thuận An, T. Bình
Dương, Việt Nam.
Tel : (84-650) 376 9122
Fax : (84-650) 376 9121
Email : bdo.info@transimexsaigon.com

CHI NHÁNH

Hà Nội

Phòng 1401, Tầng 14, 17 T4 Building,
Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel : (84-4) 6251 1222
Fax : (84-4) 6251 1380
Email : tmsn.info@transimexsaigon.com

Hải Phòng

03 Lê Thánh Tông, Tòa nhà Thành Đạt,
Tầng 1, Phòng 8, Quận Ngô Quyền,
TP. Hải Phòng, Việt Nam.
Điện thoại : (84-313) 355 2735/36/37/38
Fax : (84-313) 355 2739
Email : tmshp.info@transimexsaigon.com

Đà Nẵng

25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu,
Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel : (84-511) 356 1587/88
Fax : (84-511) 356 1589
Email : tmsdn.info@transimexsaigon.com



CONTACT DETAILS

TRANSIMEX - SAIGON

Floor 9 - 10, TMS|Building, 172 Hai Ba Trung Street,
Dakao Ward, Dist. 1, HCMC, Viet Nam.
Tel : (84-8) 2220 2888
Fax : (84-8) 2220 2889
Email : info@transimexsaigon.com

ICD TRANSIMEX

Km 7/1, Binh Tho, Truong Tho Ward,
Thu Duc Dist, HCMC, Viet Nam.
Tel : (84-8) 3731 3302 - 3731 1528
Fax : (84-8) 3731 3079 - 3897 8335
Email : icd.info@transimexsaigon.com

AUDITING COMPANY

Auditing & Consulting Co.,Ltd (A & C)

229 Dong Khoi Street, Dist. 1, HCMC, Viet Nam.
Tel : (84-8) 3827 2295/96
Fax : (84-8) 3827 2300

REPRESENTATIVE OFFICE

Dong Nai

Argtex Industrial Park, Long Binh Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
Tel : (84-61) 629 3458
Fax : (84-61) 629 3485
Email : dno.info@transimexsaigon.com

Binh Duong

02-03 VSIP Service No.2 VSIP, Viet Nam -
Singapore Industrial Park, Thuan An Dist.,
Binh Duong Province, Viet Nam.
Tel : (84-650) 376 9122
Fax : (84-650) 376 9121
Email : bdo.info@transimexsaigon.com

BRANCHES

Ha Noi

Room 1401, Floor 14, 17 T4 Building,
Hoang Dao Thuy Street, Thanh Xuan Dist.,
Ha Noi City, Viet Nam.
Tel : (84-4) 6251 1222
Fax : (84-4) 6251 1380
Email : tmshn.info@transimexsaigon.com

Hai Phong

03 Le Thanh Tong Dist., Thanh Dat Building,
Floor 7, Room 16, Ngo Quyen Dist.,
Hai Phong City, Viet Nam.
Tel : (84-313) 355 2735/36/37/38
Fax : (84-313) 355 2739
Email : tmshp.info@transimexsaigon.com

Da Nang

25-27 Hoang Van Thu, Hai Chau Dist.,
Da Nang City, Viet Nam.
Tel : (84-511) 356 1587/88
Fax : (84-511) 356 1589
Email : tmsdn.info@transimexsaigon.com





CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HCM

Lầu 9-10, TMS|BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : + 84-8-2220 2888 (16 lines)

Fax : + 84-8-2220 2889

Email : info@transimexsaigon.com

Website : www.transimexsaigon.com